ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

**THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

**Ban hành kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-ĐHSP, ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên**

**CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ VIỆT NAM**

**MÃ SỐ: 8220102**

**Thái Nguyên, năm 2021**

**MỤC LỤC**

**I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ** 01

**II. ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC** 8

1. NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY 8

2. NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC 22

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NGỮ NGHĨA HỌC TRÊN CỨ LIỆU TIẾNG VIỆT) 32

4. NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM 46

5. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ 54

6. VẬN DỤNG TRI THỨC NGỮ ÂM TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG 66

7. NGỮ PHÁP HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT 75

8. VẬN DỤNG LÝ THUYẾT KẾT TRỊ VÀO VIỆC PHÂN TÍCH CÂU TIẾNG VIỆT 87

9. ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA DÂN TỘC CỦA NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY 97

10. NGÔN NGỮ TRONG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG 107

11. VẬN DỤNG TRI THỨC NGÔN NGỮ VĂN VÀ HÓA VÀO VIỆC DẠY TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ 112

12. VẬN DỤNG TRI THỨC PHONG CÁCH HỌC TRONG PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN DẠY Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG 118

13. VẬN DỤNG LÍ THUYẾT HỘI THOẠI TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN 124

14. NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC 130

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4168 /QĐ-ĐHSP ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)*

**1. Thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Ngôn ngữ Việt Nam

+ Tiếng Anh: Vietnamese Language

+ Mã sốchuyên ngành đào tạo: 8220102

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt:Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam

+ Tiếng Anh: Master of Arts in Vietnamese language and culture

**2. Mục tiêu chương trình đào tạo:**

**2.1. Mục tiêu chung**

Mục tiêu của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam là cập nhật, nâng cao tri thức ngôn ngữ cho đội ngũ giáo viên Ngữ văn, cán bộ nghiên cứu, cán bộ phụ trách chuyên môn tại các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, các cơ quan văn hóa thuộc khu vực Trung du, miền núi phía Bắc nói riêng và cả nước nói chung. Chương trình hướng đến đào tạo học viên có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong nghiên cứu và sử dụng ngôn ngữ để giải quyết những vấn đề có ý nghĩa khoa học, công nghệ và thực tiễn. Sau chương trình này, học viên có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ.

**2.1.2. Mục tiêu cụ thể**

**CO1**. Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và tiếng Việt.

**CO2**. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.

**CO3**. Phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và tiếng Việt.

**CO4**. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công

nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

**CO5**. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**3. Chuẩn đầu ra**

**\* Kiến thức**

**PLO1**. Vận dụng được một số nguyên lí của triết học duy vật biện chứng trong nghiên cứu, giảng dạy Ngữ văn.

**PLO2**. Vận dụng được kiến thức liên ngành (ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục) vào nghiên cứu và dạy học Ngữ văn.

**PLO3**. Vận dụng được những tri thức chuyên sâu về ngôn ngữ và ngôn ngữ Việt Nam trong nghiên cứu và dạy học Ngữ văn để phát triển chuyên môn và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

**\* Kĩ năng**

**PLO4**. Sử dụng được tiếng Anh (tương đương bậc 4/6) trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn.

**PLO5**. Phát hiện và thực hiện được đề tài nghiên cứu độc lập phù hợp với chuyên ngành đào tạo.

**PLO6**. Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp nghiên cứu đặc thù để viết và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành.

**PLO7**. Sử dụng hiệu quả tri thức ngôn ngữ để phát triển chương trình trong giảng dạy Ngữ văn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm (về ngôn ngữ, văn học và văn hóa) ở trường phổ thông.

**PLO8**. Vận dụng linh hoạt, sáng tạo tri thức chuyên sâu về ngôn ngữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học liên ngành.

**PLO9**. Phát hiện và vận dụng sáng tạo tri thức ngôn ngữ có liên quan trong giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

**\* Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

**PLO10**. Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành.

**PLO11**. Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ.

**PLO12**. Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ.

**4. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** | **(11)** | **(12)** | **...** |
| CO1 | x |  | x |  |  |  | X |  |  | x |  | X |  |
| CO2 |  | x |  |  |  |  | X |  | x |  |  |  |  |
| CO3 |  |  |  |  |  | x | X | x |  | x | x |  |  |
| CO4 |  |  |  | x | x |  |  | x | x | x | x |  |  |
| CO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |

**5. Thông tin tuyển sinh**

***5.1. Hình thức tuyển sinh: thi tuyển***

Các môn thi tuyển sinh:

1.Tiếng Anh

2. Triết học

3. Ngôn ngữ học đại cương

***5.2. Đối tượng tuyển sinh***

*5.2.1. Về văn bằng*

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp.

- Nếu tốt nghiệp đại học ngành đúng/ ngành phù hợp hệ vừa làm vừa học, dự tuyển các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường ĐH Sư phạm cần có thêm một bằng tốt nghiệp cao đẳng/ THCN hệ chính quy ngành đúng/ ngành phù hợp.

- Nếu tốt nghiệp đại học ngành gần thì cần học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

- Nếu tốt nghiệp đại học một số ngành khác có thể đăng ký dự tuyển các chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học chương trình bổ sung kiến thức (những ngành tốt nghiệp đại học cụ thể thuộc ngành khác do thủ trưởng CSGDĐHTV đề nghị Giám đốc ĐHTN xem xét quyết định).

- Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và KĐCLGD công nhận.

*5.2.2. Về kinh nghiệm công tác*

- Các đối tượng được đăng kí dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ngay sau khi tốt nghiệp đại học cần đạt kết quả học tập ≥6,5 (niên chế)/≥2,2 (tín chỉ).

- Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi.

*5.2.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần*

*- Danh mục các chuyên ngành phù hợp*

+ Cử nhân Ngữ văn

+ Cử nhân Văn - Sử

+ Cử nhân Văn - Địa

+ Cử nhân Văn học

+ Cử nhân Ngôn ngữ

*- Danh mục các chuyên ngành gần:*

+ Cử nhân Văn hóa học

+ Cử nhân Báo chí

+ Cử nhân Việt Nam học

+ Cử nhân Ngoại ngữ

**6. Nội dung đào tạo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Khốikiếnthức** | **Sốtínchỉ** |
| 1 | Kiếnthứcchung: | **9** |
| 1.1 | TiếngAnh | 5 |
| 1.2 | Triếthọc | 4 |
| 2 | Kiếnthứccơ sở và Kiến thức ngành | **23** |
| 2.1 | Kiếnthứccơ sở | 14 |
| 2.2 | Kiến thức ngành | 9 |
| 3 | Chuyênđềnghiêncứu | **15** |
| 4 | Luậnvăntốtnghiệp | **13** |
|  | **Tổngsố** | **60** |

**7. Khung chương trình đào tạo**

| **Số**  **TT** | **Mãsốhọcphần** | **Tênhọcphần** | **Sốtínchỉ** | **Loạigiờtínchỉ** | | | | | **Mãsố HP tiênquyết** | **Mãsố HP họctrước** | **Họckìdựkiến** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Sốgiờlênlớp** | | | | |
| **Lýthuyết** | **Bàitập** | **Thựchành/ thínghiệm** | **Thảoluận/ Seminar** | **Thực tế CM** |
| **I** |  | **Kiếnthứcchung** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | ENG651 | Anhvăn | 5 | 30 | 40 | 50 |  |  |  |  |  |
| 2 | PHI641 | Triết thọc (khốixãhội) | 4 | 45 | 10 | 10 | 10 |  |  |  |  |
| **II** |  | **Kiếnthứccơsởvàchuyênngành:**  **Ngôn ngữ Việt Nam** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | ***Khối kiến thức cơ sở*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Cáchọcphầnbắtbuộc* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | LAT631 | Ngôn ngữ và tư duy | 3 | 30 | 10 | 10 | 10 | 0 |  |  |  |
| 2 | LAL631 | Ngôn ngữ và văn học | 3 | 30 | 10 | 10 | 10 | 0 |  |  |  |
| 3 | MTP641 | Một số vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học trên cứ liệu tiếng Việt | 4 | 45 | 10 | 10 | 10 | 0 |  |  |  |
|  |  | *Cáchọcphầntựchọn* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | LEV621 | Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | 2 | 20 | 6 | 6 | 8 | 0 |  |  |  |
| 5 | MRL621 | Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ | 2 | 20 | 6 | 6 | 8 | 0 |  |  |  |
|  |  | ***Khối kiến thức ngành*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | *Cáchọcphầnbắtbuộc* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | PTV621 | Vận dụng tri thức ngữ âm trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông | 2 | 20 | 6 | 6 | 8 | 0 |  |  |  |
| 7 | GVG631 | Ngữ pháp học đại cương và một số vấn đề ngữ pháp tiếng Việt | 3 | 30 | 10 | 10 | 10 | 0 |  |  |  |
|  |  | *Cáchọcphầntựchọn* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | ATS621 | Vận dụng lí thuyết kết trị vào việc phân tích câu tiếng Việt | 2 | 20 | 6 | 6 | 8 | 0 |  |  |  |
| 9 | CNL621 | Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy | 2 | 20 | 6 | 6 | 8 | 0 |  |  |  |
| **III** |  | **Chuyênđề** | **15** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | VLC631 | Ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông | 3 | 8 | 0 | 74 | 0 | 0 |  |  |  |
| 11 | VLC632 | Vận dụng tri thức ngôn ngữ và văn hóa vào việc dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ | 3 | 8 | 0 | 74 | 0 | 0 |  |  |  |
| 12 | VLV633 | Vận dụng tri thức phong cách học trong phân tíchtác phẩm văn họcở trường phổ thông | 3 | 8 | 0 | 74 | 0 | 0 |  |  |  |
| 13 | VLC634 | Vận dụng lí thuyết hội thoại trong dạy học Ngữ văn | 3 | 8 | 0 | 74 | 0 | 0 |  |  |  |
| 14 | VLC635 | Ngôn ngữ học tri nhận và việc vận dụng trong phân tích tác phẩm văn học | 3 | 8 | 0 | 74 | 0 | 0 |  |  |  |
| **IV** |  | **Luậnvăntốtnghiệp** | **13** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổngsố** | | | **60** |  |  |  |  |  |  |  |  |

**8. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được CĐR của CTĐT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã học phần** | **Tên học phần** | **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | | |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** | **(11)** | **(12)** |
| ENG651 | Anh văn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| PHI641 | Triết thọc (khối xã hội) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| LAT631 | Ngôn ngữ và tư duy | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 3 | 2 | 3 |
| LAL631 | Ngôn ngữ và văn học | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 3 | 2 | 3 |
| MTP641 | Một số vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học trên cứ liệu tiếng Việt | 3 | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 |
| LEV621 | Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | 1 | 3 | 3 | 1 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| MRL621 | Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ | 3 | 3 | 3 | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 | 2 | 2 | 2 | 3 |
| PTV621 | Vận dụng tri thức ngữ âm trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông | 1 | 3 | 3 | 1 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| GVG631 | Ngữ pháp học đại cương và một số vấn đề ngữ pháp tiếng Việt | 0 | 3 | 3 | 0 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 |
| ATS621 | Vận dụng lí thuyết kết trị vào việc phân tích câu tiếng Việt | 0 | 2 | 2 | 0 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 |
| CNL621 | Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 | 2 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| VLC631 | Ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông | 3 | 3 | 3 | 1 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| VLC632 | Vận dụng tri thức ngôn ngữ và văn hóa vào việc dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ | 1 | 1 | 3 | 2 | 2 | 1 | 2 | 2 | 1 | 2 | 3 | 2 |
| VLC633 | Vận dụng tri thức phong cách học trong phân tích tác phẩm văn học ở trường phổ thông | 3 | 3 | 3 | 1 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 |
| VLC634 | Vận dụng lí thuyết hội thoại trong dạy học Ngữ văn | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 1 | 2 | 1 | 2 | 3 | 2 | 3 |
| VLC635 | Ngôn ngữ học tri nhận và việc vận dụng trong phân tích tác phẩm văn học | 1 | 3 | 3 | 1 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |

**9. Đề cương các học phần và chuyên đề**

9.1**. ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | **NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY** |
|  | (LANGUAGE AND THOUGHT) |
| MÃ HỌC PHẦN: | **LAT631** |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45 tiết.

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Bài tập:20 giờ; Thảo luận: 10 giờ; Tự học: 90 giờ)

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 19 | 9 | 70 |
| 2 | Bài tập | 20 | 6 | 20 |
| 3 | Thảo luận | 10 | 3 |
| 4 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 5 | Kiểm tra, đánh giá | 02 |  |  |
| Tổng | | 42 | 18 | 90 |

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngôn ngữ; Khoa: Ngữ văn

**2. Thông tin về các giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | PGS.TS. Nguyễn Văn Lộc | 0915213123 | nguyenvanloc.sptn@gmail.com |
|  | NCS. Nguyễn Diệu Thương | 0948210155 | thuongnd@tnue.edu.vn |

1. **Mục tiêu của học phần (CO)**

CO1. Bồi dưỡng, nâng caokiến thức chuyên sâu vềbản chất, đặc điểm của ngôn ngữ và tư duy, mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và tư duy thể hiện ở các bình diện: từ vựng- ngữ nghĩa, ngữ pháp và giao tiếp.

CO2. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện,năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và tư duy.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu HP** | **CĐR của HP** | **Nội dung CĐR của học phần**  Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: | **CĐR của CTĐT** |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Vận dụng được một số nguyên lí của triết học duy vật biện chứng trong nghiên cứu đặc điểm, bản chất của tư duy; mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ và việc vận dụng trong dạy học Ngữ văn. | PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO12 |
| CO1, CO2 | CLO2 | Vận dụng được kiến thức liên ngành (ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục) vào nghiên cứu mối quan hệ tư duy và ngôn ngữ, dạy học Ngữ văn. | PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12 |
| CO1, CO2 | CLO3 | Vận dụng được những tri thức chuyên sâu về ngôn ngữ và ngôn ngữ Việt Nam trong nghiên cứu và dạy học Ngữ văn để phát triển chuyên môn và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. | PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO4 | CLO4 | Sử dụng được tiếng Anh (tương đương bậc 4/6) trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn. | PLO4, PLO10. PLO12 |
| CO4 | CLO5 | Phát hiện và thực hiện được đề tài nghiên cứu độc lập phù hợp với chuyên ngành ngôn ngữ. | PLO5, PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO12 |
| CO2, CO5 | CLO6 | Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp nghiên cứu đặc thù để viết và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành. | PLO6, PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO10, PLO12 |
| CO2, CO3, CO4, CO5 | CLO7 | Sử dụng hiệu quả tri thức về tư duy và ngôn ngữ để phát triển chương trình trong giảng dạy ngữ văn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm (về ngôn ngữ, văn học và văn hóa) ở trường phổ thông. | PLO7, PLO2, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12 |
| CO2 | CLO8 | Vận dụng linh hoạt, sáng tạo tri thức chuyên sâu về tư duy, ngôn ngữ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học liên ngành. | PLO8, PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO12 |
| CO2, CO3, CO4, CO5 | CLO9 | Phát hiện và vận dụng sáng tạo tri thức tư duy và ngôn ngữ trong giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống. | PLO9, PLO7, PLO10, PLO11, PLO12 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO3, CO4 | CLO10 | Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành. | PLO1-10, PLO12 |
| CO5 | CLO11 | Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ. | PLO2, PLO3, PLO7, PLO9, PLO11 |
| CO3 | CLO12 | Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ. | PLO1-10, PLO12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (****PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO2 | x | x | X |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO3 | x | x | X |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO4 |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO5 | x | x | X |  | x |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO6 | x | x | X | x | x | X |  |  |  | x |  | x |
| CLO7 |  | x |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO8 | x | x | X |  |  |  |  | x |  | x |  | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 | x | x | X | x | x | X | x | x | x | x |  | x |
| CLO11 |  | x | X |  |  |  | x |  | x |  | x |  |
| CLO12 | x | x | X | x | x | X | x | x | x | x |  | x |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **1** | **2** | **1** | **2** | **3** | **2** | **3** |

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản sau: Khái quát về ngôn ngữ, tư duy và mối quan hệ giữa chúng. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy xét trên bình diện nghĩa từ vựng - ngữ nghĩa. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy xét trên bình diện ngữ pháp. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy xét trên bình diện giao tiếp.Vấn đề rèn luyện tư duy thông qua dạy học ngôn ngữ.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

Sinh viên tham gia học phần này phải thực hiện:

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80 % tổng số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ bài tập, chuẩn bị nội dung seminar, và bài mới.

**-** Bài tập:Hoàn thành các bài (cá nhân) ở các chương theo ĐCBG.

- Seminar: Hoàn thành 1 vấn đề thảo luận (chương 1), 1 vấn đề thảo luận (chương 2), 1 vấn đề thảo luận (chương 3), 1 vấn đề thảo luận (chương 4), 1 vấn đề thảo luận (chương 5).

- Kiểm tra định kì: 2 bài.

**8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**8.1. Hình thức và trọng số điểm**

*- Sử dụng thang 10 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 40%)** | | | | | |
| 1 | A1. Chuyên cần | 10% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO1-12 |
| 2 | A2. Thảo luận, Bài tập | 15% | 02 | Rubric đánh giá thảo luận | CLO1-12 |
| 3 | A3. Viết | 25% | 02 | - Đáp án, thang điểm | CLO1-12 |
| **Thi kết thúc học phần (60%)** | | | | | |
| 4 | A4. Thi viết | 60% | 01 | - Đáp án, thang điểm | CLO1-12 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Chuyên cần (10%) | | | | | |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết |

**8.2.2. Rubric đánh giá thảo luận**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thảo luận (15%)** | | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| Nội dung đầy đủ theo yêu cầu | 4 | | 0 đến < 2 | 2 đến < 2,4 | 2,4 đến < 3,2 | 3,3 đến 4 |
| Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu | Sản phẩm đáp ứng yêu cầu | Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu | Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu |
| Lập luận có căn cứ khoa học và logic | 1 | | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic | Lập luận có căn cứ khoa học và nhưng chưa logic | Lập luận có căn cứ khoa học và logic | Lập luận có căn cứ khoa học và logic |
| Trình bày báo cáo rõ ràng | | 2 | 0 đến < 1 | 1 đến < 1,3 | 1,3 đến < 1,6 | 1,6 đến 2 |
| Trình bày báo cáo không  rõ ràng | Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học | Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng,  khoa học | Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học,  tự tin |
| Tương tác bằng mắt và  cử chỉ | | 1 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Không tương tác bằng mắt và cử chỉ | Ít tương tác bằng mắt và  cử chỉ | Có tương tác bằng mắt và  cử chỉ | Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt |
| Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng | | 1 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Không trả lời câu hỏi đầy đủ | Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng | Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng | Trả lời câu hỏi đầy đủ,  thỏa đáng |
| Nhóm phối hợp, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | | 1 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời |

*Đánh giá bài tiểu luận kết thúc học phần (A4): Theo đáp án, thang điểm của giảng viên*

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Đỗ Hữu Châu (chủ biên), Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập I, NXB Giáo dục, 2009

[2]. IU. V.Rozdestvenxki, *Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương*, (Đỗ Việt Hùng dịch), NXB Giáo dục, 1998

[3]. Lí Toàn Thắng, *Ngôn ngữ học tri nhận - Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt,* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2009

[4]. Vương Tất Đạt, *Logic học đại cương*, NXB Dân trí, 2011.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[5]. Nguyễn Đức Dân (1996), *Lôgích và tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, HN.

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ NGÔN NGỮ, TƯ DUY VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CHÚNG** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1-12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (LT: 6 tiết)  1.1. Bản chất và chức năng của ngôn ngữ  1.1.1. Bản chất của ngôn ngữ  1.1.2. Chức năng của ngôn ngữ: chức năng giao tiếp và chức năng làm công cụ tư duy  1.2. Bản chất, đặc điểm, quy luật của tư duy và các loại hình tư duy  1.2.1. Bản chất, đặc điểm của tư duy  1.2.2. Quy luật của tư duy  1.2. 3. Các loại hình tư duy  1.3. Khái quát về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy  1.3.1. Các quan niệm khác nhau về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy  1.3.2. Sự gắn kết giữa ngôn ngữ và tư duy | - *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *Chú ý nghe giảng.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung bài tập (4 tiết)  *Xác định mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy trong các trường hợp cụ thể.* | *Tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm* |  | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung thảo luận (2 tiết)  *Phân biệt tư duy logic với tư duy hình tượng* | *Yêu cầu: HV chuẩn bị tốt nội dung thảo luận* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | **B. Nội dung tự học (18 tiết)**:  HV tự nghiên cứu vấn đề sau:  *Sự không đồng nhất giữa ngôn ngữ và tư duy.* | *Yêu cầu đối với HV: chuẩn bị trước để thuyết trình và đàm thoại trước lớp* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| **Chương 2. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY XÉT TRÊN BÌNH DIỆN TỪ VỰNG- NGỮ NGHĨA** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1-12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (LT: 6 tiết)  ***Chương 2***: **Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy xét trên bình diện từ vựng - ngữ nghĩa**  2.1. Dẫn nhập  2.2. Từ và khái niệm  2.2.1. Từ và các kiểu nghĩa của từ  2.2.2. Khái niệm với tư cách là phạm trù của tư duy  2.3. Mối quan hệ giữa từ và khái niệm  2.3.1. Mối quan hệ giữa từ và khái niệm thể hiện qua đặc trưng ngữ nghĩa của từ  2.3.2. Mối quan hệ giữa các từ và khái niệm thể hiện ở mặt cấu tạo từ | - *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *Chú ý nghe giảng.* | *A1, A2, A3* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung bài tập (4 tiết)  *Nhận diện hiện tượng đồng âm, đa nghĩa, đồng nghĩa, chuyển nghĩa.*  *Xác định mối quan hệ tư duy qua các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa, đồng nghĩa, chuyển nghĩa.* | *Tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung thảo luận (2 tiết)  *Mối quan hệ giữa nghĩa của từ và khái niệm.* | *Tích cực thực hành, thảo luận trong buổi đánh giá.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | **B. Nội dung tự học (18 tiết)**:  *Hiện tượng đồng âm, đa nghĩa, đồng nghĩa và chuyển nghĩa của từ nhìn từ góc độ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy* | *Nộp sản phẩm.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| **Chương 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY XÉT TRÊN BÌNH DIỆN CÚ PHÁP** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung dạy học** | **Hình thức/ Phương pháp** | | **Hình thức/**  **phương pháp** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1-12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (LT: 6 tiết)  3.1. Dẫn nhập  3.2. Từ loại và các phạm trù tư duy  3.2.1. Mối quan hệ giữa các từ loại thực từ và các phạm trù tư duy  3.2.2. Các từ loại hư từ và vai trò, chức năng của chúng đối với việc biểu thị tư duy  3.3. Câu và chức năng biểu thị phán đoán  3.3.1. Khái quát mối quan hệ giữa câu và phán đoán  3.3.2. Mối quan hệ giữa các kiểu câu và các kiểu phán đoán  3.3.3. Một số phạm trù cú pháp của câu và mối quan hệ giữa chúng với các phạm trù của tư duy  3.3.4. Nghĩa biểu hiện của câu với chức năng biểu thị phán đoán  3.3.5. Câu đồng nghĩa nhìn từ góc độ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy | *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *Chú ý nghe giảng.*  *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *Chú ý nghe giảng.* | *A1, A2, A3* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung bài tập (4 tiết)  *Xác định và tạo lập các câu đồng nghĩa.* | *Tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung thảo luận (2 tiết)  *Phương thức cấu tạo các kiểu câu có cùng nghĩa biểu hiện trong tiếng Việt.* | *Tích cực thực hành, thảo luận trong buổi đánh giá.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | **B. Nội dung tự học (18 tiết)**:  - *Các hình thức ngôn ngữ biểu thị suy luận, chứng minh và bác bỏ.*  *- Các hình thức ngôn ngữ biểu thị suy luận.*  *- Các hình thức ngôn ngữ dùng để chứng minh, bác bỏ.* | *Nộp sản phẩm.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| **Chương 4. NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY XÉT TRÊN BÌNH DIỆN GIAO TIẾP**  **(CÚ PHÁP GIAO TIẾP)** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung dạy học** | **Hình thức/ Phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1-12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (LT: 6 tiết)  4.1. Dẫn nhập  4.2. Vai trò của các cấu trúc và các kiểu nghĩa thuộc bình diện giao tiếp đối với việc biểu thị và truyền đạt tư tưởng  4.2.1. Cấu trúc đề - thuyết của câu với việc biểu thị và truyền đạt tư tưởng  4.2.2. Cấu trúc thông tin của câu với việc biểu thị và truyền đạt tư tưởng  4.2.3. Chức năng của nghĩa tình thái đối với việc biểu thị và truyền đạt tư tưởng, tình cảm  ***Kiểm tra: 01 tiết*** | *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *Chú ý nghe giảng.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung bài tập (4 tiết tiết)  *Xác định và phân tích vai trò của các phương tiện tình thái trong các trường hợp cụ thể.* | *Tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung thảo luận (2 tiết)  *Vai trò của nghĩa tình thái đối với việc biểu thị, truyền đạt tư tưởng, tình cảm.* | *Tích cực thực hành, thảo luận trong buổi đánh giá.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | **B. Nội dung tự học (18 tiết)**:  *Vài nét khái quát về bình diện giao tiếp*  *- Các kiểu cấu trúc thuộc bình diện giao tiếp*  *- Các kiểu nghĩa thuộc bình diện giao tiếp* | *Nộp sản phẩm.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| **Chương 5. VẤN ĐỀ RÈN LUYỆN TƯ DUY QUA DẠY HỌC NGỮ VĂN** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung dạy học** | **Hình thức/ Phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1-12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (LT: 6 tiết)  5.1. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy thể hiện qua việc lựa chọn, sử dụng các phương tiện ngôn ngữ  5.1.1. Sự vận động tư duy thể hiện qua việc xây dựng bố cục của ngôn bản  5.1.2. Sự vận động tư duy thể hiện qua việc lựa chọn, sử dụng các từ ngữ, các kiểu câu  5.1.3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy thể hiện qua các kiểu lỗi trong sử dụng ngôn ngữ  5.2. Một số biện pháp rèn luyện tư duy cho người học qua dạy học ngữ văn  5.2.1. Rèn luyện tư duy logic (tư duy khoa học) trong dạy học ngữ văn  5.2.1.1. Phát triển tư duy qua việc hình thành, củng cố các khái niệm trong dạy học ngữ văn  5.2.1.2. Phát triển tư duy qua việc rèn luyện kỹ năng xây dựng bố cục của một ngôn bản  5.2.1.3. Phát triển tư duy qua việc rèn luyện kỹ năng diễn đạt chính xác một nội dung cụ thể  5.2.2. Rèn luyện tư duy hình tượng trong dạy học ngữ văn  5.2.2.1. Rèn luyện kĩ năng giải mã hệ thống tín hiệu nghệ thuật trong ngôn ngữ văn chương  5.2.2.2. Rèn luyện kĩ năng trình bày một cách bóng bẩy, sinh động một nội dung cụ thể  ***Kiểm tra: 01 tiết*** | *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *Chú ý nghe giảng.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung bài tập (4 tiết)  *Xây dựng các biện pháp, hình thức tổ chức phát triển năng lực tư duy trong các trường hợp cụ thể.* | *Tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | \* Nội dung thảo luận (2 tiết)  *Các lỗi diễn đạt thường gặp trong sử dụng ngôn ngữ, nguyên nhân và hướng khắc phục.* | *Tích cực thực hành, thảo luận trong buổi đánh giá.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | **B. Nội dung tự học (18 tiết)**  *- Môn Ngữ văn và nhiệm vụ phát triển tư duy cho người học.*  *- Mục tiêu của việc dạy học Ngữ văn.*  *- Vai trò của của Môn Ngữ văn đối với việc phát triển tư duy cho người học.* | *Nộp sản phẩm.* | *A1, A2* | [1], [2], [3], [4] |
| CLO1-12 | ***Thi kết thúc học phần*** | | *A4* | [1], [2], [3], [4] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành:

Phòng học có kết nối máy chiếu, kết nối mạng; bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc.

9.2 **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC** |
|  | (LANGUAGE AND LITERATURE) |
| MÃ HỌC PHẦN: | **LAL631** |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45 tiết.

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 19 | 9 | 70 |
| 2 | Bài tập | 7 | 3 | 20 |
| 3 | Thực hành | 7 | 3 |
| 4 | Thảo luận | 7 | 3 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 02 |  |  |
| Tổng | | 42 | 18 | 90 |

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: *Ngôn ngữ và tư duy* LAT631

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngôn ngữ; Khoa: Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Nguyễn Thị Hạnh Phương | 0914435676 | [phuongnth@tnue.edu.vn](mailto:phuongnth@tnue.edu.vn) |
|  | NCS. Nguyễn Văn Trung | 0356079740 | [trungnv.lol@tnue.edu.vn](mailto:trungnv.lol@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

CO1. Bồi dưỡng, nâng caokiến thức chuyên sâu về lí thuyết hội thoại và các vấn đề lí thuyết quan yếu.

CO2. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện,năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực hội thoại.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu HP** | **CĐR của HP** | **Nội dung CĐR của học phần**  Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: | **CĐR của CTĐT** |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học trong nghiên cứu tác phẩm văn học và giảng dạy bộ môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông theo định hướng đổi mới của Bộ giáo dục và Đào tạo. | PLO1 |
| CO2 | CLO2 | Vận dụng được các kiến thức ngôn ngữ học, lý luận văn học, phương pháp giảng dạy Ngữ văn. | PLO2 |
| CO1  CO2  CO3 | CLO3 | Hiểu để vận dụng các kiến thức cơ bản: những vấn đề chung như: kiến thức về ngôn ngữ học đại cương; kiến thức về ngôn ngữ trong các thể loại tác phẩm văn học (thơ; văn xuôi, kịch); kiến thức về ngôn ngữ trong nghiên cứu Văn học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giảng dạy bộ Ngữ văn ở trường phổ thông | PLO3, 4, 5, 11, 12 |
| CO1  CO2  CO3 | CLO4 | Nhận biết, phân biệt các loại hình, tính chất, đặc trưng của Ngôn ngữ trong mối quan hệ với Văn học như: ngôn từ chất liệu trong sáng tác văn chương hay ngôn từ công cụ trong nghiên cứu và phê bình văn học. | PLO3,4,6, PLO11 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO1  CO2  CO3  CO4  CO5 | CLO6 | Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ học để nghiên cứu giá trị tác phẩm văn học. Trong quá trình nghiên cứu cần chú ý và nắm bắt được đặc trưng ngôn ngữ trong từng thể loại văn học, trong từng thời kỳ văn học, tránh những thiếu sót hoặc nhầm lẫn trong quá trình nghiên cứu. | PLO1, 4, 7 |
| CO1  CO2  CO4 | CLO7 | Vận dụng thực hành kĩ năng khoa học trong khảo sát, phân loại, đánh giá giá trị các tác phẩm văn học. | PLO1, 4, 7 |
| CO5 | CLO8 | Vận dụng kiến thức, kĩ năng về công nghệ thông tin vào việc tìm tài liệu học tập, nghiên cứu, soạn giáo án điện tử; vận dụng được kiến thức tiếng Anh để tra cứu tài liệu, biên dịch tài liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ứng dụng giảng dạy. | PLO5, 6, 8, 9 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO9 | Thể hiện ý thức sử dụng tiếng Việt chuẩn mực; có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người học, nhà trường, xã hội. | PLO12 |
| CO4 | CLO10 | Thể hiện năng lực làm việc độc lập (tự học, tự nghiên cứu) và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm nhóm đối với kết quả nghiên cứu. Có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời cho bản thân; xây dựng được kế hoạch chuyên môn, phát triển được chương trình môn học phù hợp thực tiễn giáo dục Phổ thông. | PLO10, 11 |
| CO3 | CLO11 | Thể hiện năng lực tư duy phản biện, đánh giá giá trị tác phẩm văn học trong một nền văn học có nhiều thành tựu và biến động. | PLO12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | x |  |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO2 | x | x | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO4 |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO5 | x | x | x |  | X |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO6 | x | x | x | x | X | x |  |  |  | x |  | x |
| CLO7 |  | x |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO8 | x | x | x |  |  |  |  | x |  | x |  | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 | x | x | x | x | X | x | x | x | x | x |  | x |
| CLO11 |  | x | x |  |  |  | x |  | x |  | x |  |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **1** | **2** | **1** | **2** | **3** | **2** | **3** |

***Ghi chú:“0”*** *= đóng góp không rõ ràng;* ***“1”*** *= Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“2”*** *= Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“3”*** *= Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).*

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Ngôn ngữ và Văn học dành cho chương trình đào tạo Thạc sĩ gồm có 3 chương: Những vấn đề chung về Ngôn ngữ và Văn học, Ngôn từ chất liệu và mối quan hệ giữa ngôn từ chất liệu với tác phẩm văn chương, Vận dụng mối quan hệ giữa Ngôn ngữ và Văn học trong phân tích tác phẩm văn chương. Hệ thống kiến thức này sẽ tạo cơ sở nền tảng cho việc nghiên cứu tác phẩm văn học trên phương diện ngôn ngữ và vận dụng kiến thức Ngôn ngữ vào giảng dạy Ngữ văn.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: *Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học*

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên)

- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 01 bài seminar nhóm ở chương3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp.

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

**8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm**

*- Sử dụng thang 10 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 50%)** | | | | | |
| 1 | A1. Chuyên cần | 10% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO1-11 |
| 2 | A2. Thảo luận, Bài tập | 15% | 02 | Rubric đánh giá thảo luận | CLO1-11 |
| 3 | A3. Viết | 25% | 02 | - Đáp án, thang điểm | CLO1-11 |
| **Thi kết thúc học phần** | | | | | |
| 4 | A4. Tiểu luận | 50% | 01 | - Đáp án, thang điểm | CLO1-11 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**8.2.1. Rubric đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Chuyên cần (10%) | | | | | |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết |

**8.2.2. Rubric đánh giá thảo luận**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thảo luận (15%)** | | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| Nội dung đầy đủ theo yêu cầu | 4 | | 0 đến < 2 | 2 đến < 2,4 | 2,4 đến < 3,2 | 3,3 đến 4 |
| Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu | Sản phẩm đáp ứng yêu cầu | Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu | Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu |
| Lập luận có căn cứ khoa học và logic | 1 | | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic | Lập luận có căn cứ khoa học và nhưng chưa logic | Lập luận có căn cứ khoa học và logic | Lập luận có căn cứ khoa học và logic |
| Trình bày báo cáo rõ ràng | | 2 | 0 đến < 1 | 1 đến < 1,3 | 1,3 đến < 1,6 | 1,6 đến 2 |
| Trình bày báo cáo không  rõ ràng | Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học | Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng,  khoa học | Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học,  tự tin |
| Tương tác bằng mắt và  cử chỉ | | 1 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Không tương tác bằng mắt và cử chỉ | Ít tương tác bằng mắt và  cử chỉ | Có tương tác bằng mắt và  cử chỉ | Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt |
| Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng | | 1 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Không trả lời câu hỏi đầy đủ | Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng | Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng | Trả lời câu hỏi đầy đủ,  thỏa đáng |
| Nhóm phối hợp, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | | 1 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 0,6 | 0,6 đến < 0,8 | 0,8 đến 1 |
| Nhóm phối hợp không tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm phối hợp tương đối tốt, không chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm phối hợp tương đối tốt, có chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời |

*Đánh giá bài tiểu luận kết thúc học phần (A4): Theo đáp án, thang điểm của giảng viên*

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Nguyễn Lai (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, Nxb. Giáo dục, HN.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[2]. Đỗ Hữu Châu (2007), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt,* Nxb. GD, Hà Nội.

[3]. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb. Giáo dục, HN.

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC** | | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** | |
| CLO1 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (LT:6);  **1.1. Mấy vấn đề chung về ngôn ngữ**  1.1.1. Ngôn ngữ: tài sản chung của dân tộc  1.1.2. Chức năng của ngôn ngữ  **1.2. Mấy vấn đề chung về văn học**  1.2.1. Văn học: sản phẩm của nghệ thuật ngôn từ  1.2.2. Chức năng của văn học  1.2.3. Một số ngành khoa học nghiên cứu văn học  **1.3. Các quan niệm về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học, kết cấu Ngữ - Văn** | - *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học* | *A1* | | [1], [2] |
| CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | \* Nội dung bài tập (03 tiết)  1) *Phân biệt các khái niệm và thuật ngữ liên quan đến ngôn ngữ*  2) *Phân định được các thể loại tác phẩm văn học*  3) *Xác định và tiếp cận được với một số ngành khoa học nghiên cứu về văn học* | *- Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, thảo luận, nghiên cứu bài học*  *- Yêu cầu: HV tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm* | *A1, A3* | | [1], [2] |
| CLO3, CLO4, CLO5, | \* Nội dung thảo luận (03 tiết)  1) *Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học trong kết cấu “Ngữ - Văn”*  2) *Thảo luận những khái niệm về diễn ngôn*  3) *Phân tích đặc điểm của các thể loại tác phẩm văn học* | *Yêu cầu: HV chuẩn bị tốt nội dung thảo luận* | *A1, A2* | | [1], [2] |
| CLO3, CLO4, CLO5, | **B. Nội dung tự học (20 tiết)**:  HV tự nghiên cứu vấn đề sau:  1. Phân tích hệ thống ký hiệu trong ngôn ngữ  2. Khảo sát và phân loại các thể loại tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn THCS và THPT | *Yêu cầu đối với HV: chuẩn bị trước để thuyết trình và đàm thoại trước lớp* | *A1,*  *A2,*  *A3* | | [1], [2] |
| **Chương 2:NGÔN TỪ CHẤT LIỆU VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN TỪ CHẤT LIỆU VỚI TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG** | | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | | **Đánh giá** |
| CLO4  CLO5  CLO6  CLO8 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (36tiết)**  \* Nội dung giảng dạy lí thuyết: (16 tiết);  **2.1. Khái quát về “ngôn từ chất liệu” và tín hiệu thẩm mỹ**  2.1.1. Khái quát về “ngôn từ chất liệu”  2.1.2. Khát quát về tín hiệu thẩm mỹ  2.1.2.1 Tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ nghệ thuật  2.1.2.2 Con đường hình thành tín hiệu thẩm mỹ  2.1.2.3 Đặc điểm sáng tạo ngôn ngữ của nhà văn trong quá trình hình thành tín hiệu thẩm mỹ  **2.2. Sáng tác văn xuôi tự sự và vấn đề chất liệu ngôn từ**  2.2.1 Bản chất dụng ngữ ở văn xuôi tự sự - quan hệ hoán dụ  2.2.2 Lời nguyên sinh và lời thứ sinh – kết cấu ngôn từ của truyện kể  3.2.3 Một số kiểu ngôn ngữ trong văn xuôi  3.2.4 Đặc điểm của ngôn ngữ đối thoại và độc thoại trong văn xuôi  **2.3. Thơ trữ tình và vấn đề chất liệu ngôn từ**  2.3.1 Bản chất dụng ngữ trong thơ – quan hệ ẩn dụ  2.3.2 Tính cách độc thoại của thơ ca  2.3.3 Tính luân phiên của các yếu tố ngôn ngữ trong thơ  2.3.4 Sự ảnh hưởng của ngôn ngữ đến nhịp điệu thơ  2.3.5 Ngôn ngữ và cấu trúc văn bản thơ  **2.4. Ngôn từ chất liệu và kịch**  2.4.1. Đặc điểm của ngôn ngữ sân khấu truyền thống  2.4.2. Những yếu tố ngôn ngữ dân gian trong sân khấu truyền thống  **2.5. Tác phẩm văn chương bổ sung cho ngôn ngữ**  \* **Kiểm tra *(02 tiết)*** | - *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Dạy học thông qua dự án*  *- Thảo luận nhóm*  *- Yêu cầu đối với HV:*  *- Chú ý nghe giảng.* | | *A1* | [1], [2] |
| CLO4  CLO5  CLO6  CLO8 | \* Nội dung bài tập (05 tiết)  1)*Phân tích được khái niệm “ngôn từ chất liệu”*  2)*Phân tích được con đường hình thành tín hiệu thẩm mỹ*  3) *Chia nhóm lựa chọn nội dung để làm bài tập* | *- Tích cực tự đọc tài liệu; làm bài tập cá nhân, nhóm; nộp vở bài tập* | | *A1,*  *A3* | [1], [2] |
| CLO4  CLO5  CLO6  CLO8 | \* Nội dung thực hành (08 tiết)  1) *Phân tích quan hệ hoán dụ trong sáng tác văn xuôi tự sự*  2) *Bình giá về quan hệ ẩn dụ trong sáng tác thi ca trữ tình*  3) *Phân tích đặc điểm của ngôn ngữ đối thoại và ngôn ngữ độc thoại trong văn xuôi*  4) *Phân tích những đặc điểm trong ngôn ngữ sân khấu truyền thống* | *Thực hành và nộp sản phẩm đúng hạn.* | | *A2* | [1], [2] |
| CLO4  CLO5  CLO6  CLO8 | \* Nội dung thảo luận (05 tiết)  *- Vận dụng lý thuyết và việc phân tích, đánh giá một tác phẩm cụ thể trong chương trình Ngữ văn THCS hoặc THPT*  **\* Đánh giá báo cáo:** Trình bày tác phẩm báo chí + đàm thoại | *Tích cực thực hành, thảo luận trong buổi đánh giá.* | | *A1, A2* | [1], [2] |
| CLO4  CLO5  CLO6  CLO8 | **B. Nội dung tự học (50 tiết)**:  - HV trao đổi về một vấn đề tự chọn trong tương quan Ngôn ngữ và Văn học  **-** Phân tích một văn bản văn xuôi/ thơ trữ tình/ kịch bản văn học để thấy được mối quan hệ đặc trưng giữa ngôn ngữ và văn xuôi | *Yêu cầu HV:*  *- Lựa chọn đa dạng các thể loại.*  *- Nộp sản phẩm.* | | *A1,*  *A3* | [1], [2] |
| **Chương 3: VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC TRONG PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG** | | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | | **Đánh giá** |
| CLO7  CLO9  CLO10  CLO11 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (12 tiết)**  **\*** Nội dung giảng dạy lí thuyết: (6 tiết )  **3.1. Vận dụng mối quan hệ ngôn ngữ và văn học trong phân tích tác phẩm văn xuôi tự sự: văn bản *Chí Phèo***  **3.2. Vận dụng mối quan hệ ngôn ngữ và văn học trong phân tích tác phẩm thơ trữ tình: văn bản *Sóng***  **3.3. Vận dụng mối quan hệ ngôn ngữ và văn học trong phân tích tác phẩm kịch: văn bản *Hồn Trương Ba da Hàng Thịt*** | - *Thuyết trình kết hợp trình chiếu*  *- Đàm thoại, nghiên cứu bài học*  *- Thực hành*  - *Báo cáo bài tập nhóm*  *- Thảo luận nhóm*  *Yêu cầu đối với HV:*  *- Chú ý nghe giảng, có sự tương tác.* | | *A1* | [1], [2] |
| CLO7  CLO9  CLO10  CLO11 | \* Nội dung bài tập (02 tiết)  *Chia nhóm lựa chọn nội dung để làm bài tập* | *Làm đầy đủ bài tập.* | | *A1, A3* | [1]  [2] |
| CLO7  CLO9  CLO10  CLO11 | *\** Nội dung thảo luận (02 tiết)  1) Vận dụng lý thuyết mối quan hệ ngôn ngữ và văn học vào phân tích một tác phẩm văn xuôi tự sự bất kỳ.  2) Vận dụng lý thuyết mối quan hệ ngôn ngữ và văn học vào phân tích một tác phẩm thơ trữ tình bất kỳ.  3) Vận dụng lý thuyết mối quan hệ ngôn ngữ và văn học vào phân tích một tác phẩm kịch bất kỳ. | *Tích cực tự đọc tài liệu, thảo luận.* | | *A1, A2* | [1], [2] |
| CLO7  CLO9  CLO10  CLO11 | \* Nội dung thực hành (02 tiết)  *Xây dựng ý tưởng giảng dạy một tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn phổ thông vận dụng lý thuyết mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học* | *Chủ động, tích cực lên ý tưởng* | | *A1, A2* | [1], [2] |
| CLO7  CLO9  CLO10  CLO11 | **B. Nội dung tự học (20 tiết):**  Nghiên cứu và đề xuất những hướng giảng dạy tác phẩm văn học trong nhà trường theo lý thuyết ngôn ngữ và văn học kết hợp với những lý thuyết khác. | *Yêu cầu đối với HV: hoàn thành sản phẩm* | | *A3* | [1], [2] |
| CLO1 – CLO11 | **Thi kết thúc học phần** |  | | *A4* |  |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: có kết nối máy chiếu, kết nối mạng; bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc, phương tiện media.

- Điều kiện khác: Học viên phải chuẩn bị được các phương tiện hỗ trợ cần thiết.

9.3. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

TÊN HỌC PHẦN: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NGỮ NGHĨA HỌC

(TRÊN CỨ LIỆU TIẾNG VIỆT)

BASIC ASPECTS OF SEMANTIC (BASED ON

VIETNAMESE LANGUAGE MATERIALS)

|  |  |
| --- | --- |
| MÃ HỌC PHẦN: | MTP641 |

**1. Thông tin về học phần:**

- Số tín chỉ: 4.; Tổng số giờ quy chuẩn: 60

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lý thuyết | 26 | 14 | 61 |
| 2 | Bài tập | 8 | 4 | 61 |
| 3 | Thực hành | 8 | 4 |
| 4 | Thảo luận | 8 | 4 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 02 | 0 |  |
| Tổng | | 52 | 26 | 122 |

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết:*Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành: *Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa: Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung | 0986390863 | [nhungnt@tnue.edu.vn](mailto:nhungnt@tnue.edu.vn) |
|  | TS. Nguyễn Thị Hạnh Phương | 0961199366 | [phuongnth@tnue.edu.vn](mailto:phuongnth@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)**

CO1. Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên sâu vềngữ nghĩa học và ngữ nghĩa tiếng Việt.

CO2. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa tiếng Việt.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa tiếng Việt.

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

*- Sử dụng động từ theo Thang nhận thức Bloom để viết các chuẩn đầu ra của học phần; cần xác định CĐR của học phần đóng góp/liên quan đến CĐR nào của CTĐT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Nắm vững và trình bày được những hiểu biết tổng quát về chuyên ngành Ngữ nghĩa học: bản chất của nghĩa, nhiệm vụ của ngữ nghĩa học, các khuynh hướng nghiên cứu ngữ nghĩa, phân biệt các thành phần và các kiểu loại nghĩa. | PLO1, 2, 3 |
|  | CLO2 | Nêu và phân tích được các một số sơ đồ kiến giải nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ, các thành phần nghĩa của từ, quan hệ ngữ nghĩa trong từ, quan hệ ngữ nghĩa giữa các bộ phận của từ vựng với nhau trên cứ liệu tiếng Việt. | PLO1, 2, 3 |
| CLO3 | Nêu và phân tích được các vai nghĩa, các loại sự tình trong nghĩa miêu tả của câu; khái niệm nghĩa tình thái, các loại nghĩa tình thái, các phương tiện biểu thị nghĩa tình thái trong ngôn ngữ nói chung và trong tiếng Việt nói riêng. | PLO1, 2, 3, 9 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO2 | CLO4 | Vận dụng tri thức ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa học tiếng Việt vào dạy học Ngữ văn, tích hợp với việc giáo dục văn hóa, đạo đức ở trường PT; phát triển chương trình trong giảng dạy ngữ văn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm (về ngôn ngữ, văn học và văn hóa) ở trường phổ thông. | PLO7, 8, 9 |
| CO3 | CL05 | Phát hiện và thực hiện được đề tài nghiên cứu độc lập về ngữ nghĩa học tiếng Việt. | PLO5,6,  10 |
| CO4 | CLO6 | Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong việc nghiên cứu, phân tích ngữ nghĩa của từ, của câu tiếng Việt và kĩ năng trình bày, thuyết trình về một vấn đề ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa học tiếng Việt | PLO4,  7,8 |
| CLO7 | Phát hiện và vận dụng sáng tạo tri thức ngữ nghĩa họccó liên quan trong giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống | PLO7, 9 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO8 | Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa học tiếng Việt | PLO10,  12 |
| CLO9  … | Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến thuộc ngữ nghĩa học; Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề thuộc ngữ nghĩa học và ngữ nghĩa học tiếng Việt. | PLO11,  12 |
| CLO10 | Có ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếngViệt. | PLO11,  12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | x | x | x |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | x | x | x |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  | x | x |  |  |  | x |  |  |
| CLO6 |  |  |  | X |  |  | x | x |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| CLO10 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **1** | **1** | **1** | **3** | **2** | **3** | **2** | **3** | **3** |

**Ghi chú:“0”** = không đóng góp; **“1”** = Mức thấp (0-29% số CLOs đóng góp cho PLO); **“2”** = Mức trung bình (30-59% số CLOs đóng góp cho PLO); **“3”** = Mức cao (60-100% số CLOs đóng góp cho PLO).

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Học phần cung cấp cho học viên những nội dung lí thuyết cơ bản về ngữ nghĩa học đại cương và những nội dung cụ thể về ngữ nghĩa học tiếng Việt như nghĩa của từ tiếng Việt, nghĩa của câu/phát ngôn tiếng Việt và vấn đề vận dụng tri thức nghĩa của câu trong dạy Ngữ văn. Nhờ đó, người học có thể nâng cao năng lực lĩnh hội, tạo lập các đơn vị giao tiếp, có thể nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy Ngữ văn, giáo dục văn hóaở trường PT.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

*(Lựa chọn các yêu cầu phù hợp với học phần, không yêu cầu nhiệm vụ nào trình bày ở bên dưới thì xóa bỏ; nhiệm vụ của SV phải phù hợp với các hình thức đánh giá của học phần ở mục 8)*

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; làm đủ các bài tập cuối mỗi chương.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập cá nhân, 01 bài tập nhóm và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành các bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 1,4 và các bài seminar nhóm ở chương2,3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp

**8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**8.1. Hình thức và trọng số điểm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 50%)** | | | | | |
| A1 | Chuyên cần | 10% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO 1- 10 |
| A2 | Bài tập nhóm | 10% | 01 | Rubric đánh giá bài tập nhóm | CLO 2, 4, 7,8,9 |
| A3 | Bài tiểu luận | 10% | 01 | Rubric đánh giá bài tiểu luận | CLO 3, 4, 7,8 |
| A4 | Bài kiểm tra định kì | 20% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO 2, 3, 6 |
| **Thi kết thúc học phần (50%)** | | | | | |
| A5 | Tự luận | 50 | 01 | - Đáp án, thang điểm  - Phiếu/rubric đánh giá vấn đáp | CLO 1, 2, 3, 4, 6,7 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**Rubric đánh giá chuyên cần (A1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Chuyên cần (…%) | | | | | |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết |

**Rubric đánh giá bài tập nhóm (A3)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập nhóm** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| Quá trình làm việc nhóm  (Thời gian, thái độ tham gia họp nhóm, ý kiến đóng góp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ) | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Tham gia họp nhóm ít (dưới 50%); không bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm không đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 50% trở lên; chủ động bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 70% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp hay, hiệu quả;  Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 90% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp sáng tạo; Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm báo cáo trên lớp đáp ứng yêu cầu | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **2,0** | 0 đến <1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chưa sáng tạo, có hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng sáng tạo, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức đa dạng, hấp dẫn |

**Rubric đánh giá bài tiểu luận (A2, A3)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tiểu luận** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn | **2,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm đúng hạn. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Không có ý tưởng, hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng hay, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức độc đáo |

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1] Nguyễn Thị Nhung (2017),*Nghĩa tình thái của câu tiếng Việt và việc vận dụng trong dạy học ngữ văn,* Nxb. GD, Hà Nội.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[2] Diệp Quang Ban (chủ biên), Hoàng Dân (2000), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. GD. Hà Nội.

[3] Đỗ Hữu Châu (2007), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt,* Nxb. GD, Hà Nội.

[4] Nguyễn Thị Nhung (2010), *Định tố tính từ trong tiếng Việt,* Nxb. KHXH, HN.

[5] Nguyễn Thị Nhung (2015), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt (Tài liệu lưu hành nội bộ),* Nxb. ĐH Thái Nguyên.

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: TỔNG QUAN VỀ NGỮ NGHĨA HỌC** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 10 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(* trực tiếp: *4 tiết)***  Bài 1: ***Ngữ nghĩa và Ngữ nghĩa học***  1. Nghĩa và ngữ nghĩa  2. Ngữ nghĩa học  3. Sự hình thành ngữ nghĩa như một bộ môn của Ngôn ngữ học  4. Đối tượng nghiên cứu của Ngữ nghĩa học  5. Vị trí, vai trò của Ngữ nghĩa học trong Ngôn ngữ học truyền thống  6. Các bộ phận và các kiểu nghĩa cơ bản trong Ngữ nghĩa học  Bài 2: ***Một số khuynh hướng Ngữ nghĩa học***  1. Ngữ nghĩa học truyền thống - tiền cấu trúc  2. Ngữ nghĩa học cấu trúc  3. Ngữ nghĩa học hình thức  4. Ngữ nghĩa học tri nhận | *-* Thuyết trình (của GV)  - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.  - Thảo luận nhóm  - Báo cáo/bài tập cá nhân  - Dạy học dựa trên vấn đề | A1 | [1] |
| CLO6 | **\* Nội dung thực hành: (trực tiếp: 4 tiết)**  *1- Nhận diện, phân biệt các bộ phận và các kiểu nghĩa cơ bản trong ngữ nghĩa học qua ngữ liệu tiếng Việt.*  *2- Ưu nhược điểm của ngữ nghĩa học hình thức?*  *3-Những điểm có thể phân biệt ngôn ngữ học tri nhận với các khuynh hướng khác?* | **-** Làm bài tập  - Trả bài trên lớp vào giờ sau | A1 |  |
| CLO5CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(*trực tiếp: *2 tiết)***  *1-Phân biệt ngữ nghĩa học với các bộ phận khác trong ngôn ngữ học*  *2- Phân biệt đối tượng, phương pháp nghiên cứu của ngữ nghĩa học tiền cấu trúc và ngữ nghĩa học cấu trúc?* | Biên bản thảo luận nhóm | A1 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(21 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 1,  - Làm bài tập,  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận | - Sổ ghi chép - Vở BT  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | *A1* |  |
| **Chương 2: NGHĨA CỦA TỪ** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO2 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 12 tiết; trực tuyến: 8 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:(trực tiếp: 5 tiết; trực tuyến: 3 tiết)**  Bài 1: ***Một số sơ đồ kiến giải nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ***  1.Những kiến giải của các nhà ngôn ngữ học thế giới  2. Một số kiến giải của các nhà Việt ngữ học  Bài 2: ***Các thành phần nghĩa của từ***  1. Nghĩa từ vựng  1.1. Đặc điểm nghĩa từ vựng và sự phân chia thành tố nghĩa từ vựng  1.2. Nghĩa biểu vật  1.3. Nghĩa biểu niệm  1.4. Nghĩa biểu thái  2. Nghĩa ngữ pháp  2.1. Đặc điểm của nghĩa ngữ pháp  2.2. Sự phân loại nghĩa ngữ pháp của từ  3. Nghĩa liên hội  4. Các phương pháp phân tích nghĩa của từ trong hệ thống  Bài 3: ***Hiện tượng nhiều nghĩa***  1. Khái quát về hiện tượng nhiều nghĩa (đa nghĩa), phân biệt từ đa nghĩa và từ đồng âm  2. Hiện tượng nhiều nghĩa từ vựng và hiện tượng nhiều nghĩa ngữ pháp  3. Các phương thức chuyển biến nghĩa  Bài 4: ***Hệ thống ngữ nghĩa***  1. Trường nghĩa  2. Đồng nghĩa, trái nghĩa  3. Bao nghĩa, tổng - phân nghĩa | *-* Thuyết trình (của GV)  - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.  - Dạy học dựa trên vấn đề  - Thảo luận nhóm  - Báo cáo/bài tập cá nhân | A1, A2 | [3]  **[**4**]** |
| CLO7 | **\* Nội dung thực hành/BT: (trực tiếp: 5 tiết, trực tuyến: 3 tiết)**  *\* Bài 1:*  *1- Tam giác nghĩa của Ogden- Richards, G. Stern, S. Ullmann và Lions khác nhau như thế nào?*  *2- Chỉ ra các nghĩa của một số từ dựa vào hình tháp nghĩa hình học không gian của Đỗ Hữu Châu.*  *\* Bài 2:*  *3- Vì sao nói nghĩa BV không hoàn toàn trùng với sự vật, hiện tượng, tính chất,... trong thực tế khách quan và sự biểu vật phân biệt với chức năng định danh?*  *4- Phân tích nghĩa NP của từ trong văn cảnh*  *\* Bài 3:*  5- *Hãy lấy ví dụ về một từ nhiều nghĩa BV và một từ nhiều nghĩa BN.*  *6- Xác định phương thức chuyển biến nghĩa ở một số từ đa nghĩa qua các ví dụ cụ thể.*  *\* Bài 4:*  *7- Xác định các từ có quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, bao nghĩa, tổng - phân nghĩa trong những văn bản cụ thể.* | **-** Làm bài tập  - Trả bài trên lớp vào giờ sau | A1, A2 |  |
| CLO4CLO5  CLO6  CLO9 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 2 tiết)**  *\* Bài 1:*  *1- Ưu nhược điểm của mỗi sơ đồ kiến giải?*  *2-Anh/ chị chọn sơ đồ kiến giải nghĩa nào? Vì sao?*  *\* Bài 2:*  *3- Vì sao nói nghĩa BV không trùng với sựvật, hiện tượng, tính chất,... trong thực tế khách quan và sự biểu vật phân biệt với chức năng định danh?*  *4- Phân biệt nghĩa BN với nghĩa BV và khái niệm?*  *5- Phân biệt nghĩa ngữ pháp với nghĩa từ vựng.*  *\* Bài 3:*  *6- Mối quan hệ giữa hiện tượng đa nghĩa và hiện tượng đồng âm.*  *\* Bài 4:*  *6- Phân biệt trường đối vị, trường kết hợp và trường tổng hợp?*  *7- Quan hệ giữa hiện tượng đồng nghĩa và hiện tượng trái nghĩa từ vựng?*  *8- Cách thức tập hợp, phân tích nhóm đồng nghĩa?* | Biên bản thảo luận nhóm | A1 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(37 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 2,  - Làm bài tập,  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận | - Sổ ghi chép  - Vở BT  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | A1 |  |
| **Chương 3: NGHĨA CỦA CÂU** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 14 tiết, trực tuyến: 9 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:** (**trực tiếp: 9 tiết, trực tuyến: 5 tiết)**  Bài 1: ***Các thành phần nghĩa của câu***  1. Về khái niệm câu  2. Khái quát về sự phân chia các thành phần nghĩa của câu: nghĩa miêu tả, nghĩa tình thái, nghĩa chủ đề, nghĩa ngữ pháp  Bài 2: ***Nghĩa miêu tả của câu***  1. Cấu trúc vị từ - tham thể (đặc trưng/ quan hệ - vai nghĩa)  2. Vai nghĩa  3. Phân loại các sự tình  4. Sự đồ chiếu cấu trúc vai nghĩa lên cấu trúc ngữ pháp  Bài 3. ***Nghĩa tình thái của câu***  1. Khái quát về nghĩa tình thái  2. Về khái niệm nghĩa tình thái  3. Sự phân loại nghĩa tình thái  4. Phương tiện biểu thị nghĩa tình thái | *-* Thuyết trình (của GV)  - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.  - Dạy học dựa trên vấn đề  - Thảo luận nhóm  - Báo cáo/bài tập cá nhân | A1, A3 | [1]  Ch1  [2] |
| CLO7 | **\* Nội dung thực hành/BT: (trực tiếp: 3 tiết, trực tuyến: 3 tiết)**  *1- Phân tích nghĩa miêu tả của câu theo quan điểm của Dik và Halliday*  *2- Phân tích cấu trúc vị từ - tham thể của một số câu tiếng Việt.*  *3- Phân tích nghĩa tình thái của câu trong một số đoạn văn.*  *4- Tìm các phương tiện biểu thị các loại nghĩa tình thái của câu trong một số văn bản.*  ***Làm bài tiểu luận*** | - Nộp bài tiểu luận | A1, A3 |  |
| CLO4CLO5  CLO6  CLO9 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 1 tiết)**  *1-Phân biệt các thành phần nghĩa của câu.*  *2- Phân tích ưu nhược điểm của các quan điểm về nghĩa tình thái.*  *3- Ý kiến của anh/ chị về quan điểm trong ĐC?*  *4- Phân tích ưu nhược điểm của các quan điểm về sự phân loại nghĩa tình thái*.  *5- Ý kiến của anh/ chị về quan điểm trong ĐC?* | Biên bản thảo luận nhóm | A1 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(41 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 2,  - Làm bài tập,  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận | - Sổ ghi chép  - Vở BT  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | A1 |  |
| **Chương 4: VẬN DỤNG TRI THỨC NGHĨA CỦA CÂU TRONG**  **DẠY HỌC NGỮ VĂN** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO4  CLO5  CLO10 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 16 tiết, trực tuyến: 9 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:(trực tiếp: 8 tiết, trực tuyến: 6 tiết)**  Bài 1: ***Vận dụng tri thức nghĩa của câu trong việc tìm hiểu văn bản văn chương***  1. Nhận xét chung  2. Vận dụng tri thức về nghĩa miêu tả của câu vào việc tìm hiểu văn bản văn chương  2.1. Khái quát về nghĩa miêu tả của câu trong văn bản văn chương  2.2. Vận dụng tri thức nghĩa miêu tả của câu vào việc tìm hiểu văn bản tự sự  2.3. Vận dụng tri thức nghĩa miêu tả của câu vào việc tìm hiểu văn bản trữ tình  3. Vận dụng tri thức về nghĩa tình thái của câu vào việc tìm hiểu văn bản văn chương  3.1. Khái quát về nghĩa tình thái của câu trong văn bản văn chương  3.2. Vận dụng tri thức nghĩa tình thái của câu vào việc tìm hiểu văn bản tự sự  3.3. Vận dụng tri thức nghĩa tình thái của câu vào việc tìm hiểu văn bản trữ tình | *- Thuyết trình (của GV)*  *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập cá nhân*  *- Thực hành* | A1, A4 | [1]  Ch3 |
| CLO5  CLO7 | **\* Nội dung thực hành/thí nghiệm: (trực tiếp: 4 tiết, trực tuyến: 2 tiết)**  *1- Phân tích tính cách một số nhân vật thông qua các thành phần nghĩa của câu trong truyện, kí.*  *2- Phân tích tính cách một số nhân vật thông qua các thành phần nghĩa của câu trong một bài thơ hay một trích đoạn kịch.*  *3- Xác định phong cách tác giả thông qua các thành phần nghĩa, các sắc thái nghĩa tình thái của câu.*  ***Kiểm tra định kì*** : ***2 tiết***(tự luận) | **-** Làm bài tập  - Trả bài trên lớp vào giờ sau | A1, A4 |  |
| CLO5CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 1 tiết)**  *1- Sự thể hiện chủ đề tác phẩm qua nghĩa miêu tả và các thành phần nghĩa tình thái ở một số câu tiêu biểu trong một tác phẩm truyện, kí cụ thể.*  *2- Sự thể hiện chủ đề tác phẩm qua nghĩa miêu tả và các thành phần nghĩa tình thái ở một số câu tiêu biểu trong một tác phẩm thơ, kịch cụ thể.*  *3- Mối quan hệ giữa phong cách thể loại với các thành phần nghĩa tình thái của câu.* | Biên bản thảo luận nhóm | A1 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(36 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 2,  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận  - Ôn tập toàn học phần | - Sổ ghi chép - Vở BT  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | A1 |  |
|  | **Thi hết học phần:** (theo kế hoạch) |  | A5 |  |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành:

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: máy chiếu

9.4. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM |
|  | LANGUAGES OF ETHNIC GROUPS IN VIETNAM |
| MÃ HỌC PHẦN: | **LEV621** |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 13 | 6 | 41 |
| 2 | Bài tập | 4 | 2 | 20 |
| 3 | Thực hành | 4 | 2 |
| 4 | Thảo luận | 6 | 0 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 02 | 0 |  |
| Tổng | | 29 | 10 | 61 |

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Một số vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa học trên cứ liệu tiếng Việt

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🞏(🗹) Tiếng Anh: 🞏 (🗹)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | PGS.TS Tạ Văn Thông | 0902.283.612 | [tavanthong1955@gmal.com](mailto:quynhn@tnue.edu.vn) |
|  | TS. Nguyễn Thu Quỳnh | 0975.459.119 | [quynhn@tnue.edu.vn](mailto:quynhn@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

*\* Về kiến thức*

**CO1.**Hiểu và lí giải đượchệ thống các kiến thức chuyên sâuvề ngôn ngữ như là một thành tố quan trọng nhất trong văn hóa các dân tộc thiểu số; đặc điểm ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam xét về mặt cội nguồn, loại hình, chữ viết các dân tộc; chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về ngôn ngữ các dân tộc,…

**CO2.**Vận dụng được kiến thức của học phần để có những định hướng nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong chương trình phổ thông và tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

*\* Về kĩ năng*

**CO3.**Áp dụng được tri thức của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

**CO4.**Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

*\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

**CO5.** Thể hiện năng lực làm việc độc lập, tự chủ, trách nhiệm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu vận dụng những nội dung phù hợp trong môn học để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trong công việc của bản thân; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

**CO6.** Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trước nguy cơ mai một.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ trong văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam; đặc điểm của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam; chữ viết các dân tộc thiểu số Việt Nam. | PLO1,2,3 |
| CLO2 | Phân tích được cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam; chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số. | PLO1,2,3 |
| CO2 | CLO3 | Áp dụng được kiến thức chuyên sâu của học phần để định hướng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam. | PLO1,2,3 |
| CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn (tiến sĩ). | PLO1,2,3 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CLO5 | Áp dụng được tri thức chuyên sâu của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung liên quan đến ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. | PLO5, 7 |
| CO4 | CLO6 | Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn sâu về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam để giải quyết các vấn đề thực tiễn về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. | PLO6, 9 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. | PLO8 |
| CLO8 | Sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | PLO4 |
|  | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO9 | Có năng lực làm việc độc lập, tự chủ, trách nhiệm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp của học phần trong giảng dạy những nội dung có liên quan đến ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam ở trường phổ thông; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. | PLO10, 11, 12 |
| CO6 | CLO10 | Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề ngiệp, có ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong bảo tồn và phát triển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. | PLO10, 11, 12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO2 |  | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO3 |  | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO4 |  | x | X |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | x | X |  |  |  | x | x |  | X | x | x |
| CLO6 |  | x | X |  | x | x |  |  | x | X | x | x |
| CLO7 |  | x | X |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO9 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | X | x | x |
| CLO10 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | X | x | x |
| **MĐG** | **1** | **3** | **3** | **1** | **3** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **2** | **2** |

***Ghi chú:“0”*** *= đóng góp không rõ ràng;* ***“1”*** *= Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“2”*** *= Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“3”*** *= Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).*

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học nằm trong khối kiến thức cơ sở, thuộc học phần tự chọn, giới thiệu kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ như một thành tố quan trọng nhất trong văn hóa các dân tộc thiểu số , những đặc điểm ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xét về mặt cội nguồn và loại hình học; chữ viết các dân tộc thiểu số; cảnh huống ngôn ngữ ở các dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay; chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lí thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học*: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...*

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập nhóm nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 1 và 01 bài seminar nhóm ở chương 4; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kì.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp.

- Các yêu cầu khác (nếu có)

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

**8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm**

*- Sử dụng thang 10 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 50%)** | | | | | |
| 1 | A1. Chuyên cần | 10% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO  1-10 |
| 2 | A2. Bài tập nhóm | 20% | 01 | Rubric đánh giá bài tập nhóm | CLO  3,5,6,10 |
| 3 | A3. Bài kiểm tra định kì | 20% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO  1,2,3,9,10 |
| **Thi kết thúc học phần** | | | | | |
| 4 | A4. Tự luận | 50% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO  1-10 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**Rubric đánh giá chuyên cần (A1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên cần** | | | | | |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lí thuyết |

**Rubric đánh giá bài tập nhóm (A2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập nhóm** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| **Báo cáo của nhóm trưởng**  (Thời gian, thái độ tham gia họp nhóm, ý kiến đóng góp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ) | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Tham gia họp nhóm ít (dưới 50%); không bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm không đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 50% trở lên; chủ động bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 70% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp hay, hiệu quả;  Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 90% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp sáng tạo; Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm báo cáo trên lớp đáp ứng yêu cầu | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **2,0** | 0 đến <1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chưa sáng tạo, có hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng sáng tạo, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức đa dạng, hấp dẫn |

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập**

[1]. Trần Trí Dõi (2011), *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb ĐHQG, H.

[2]. Nguyễn Thu Quỳnh (chủ biên), Dương Thu Hằng (2021), Giáo trình *Ngôn ngữ với vấn đề bảo tồn văn hóa trong đời sống các dân tộc thiểu số*, Nxb ĐHTN.

[3]. Tạ Văn Thông, Tạ Quang Tùng (2017), *Ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam,* Nxb ĐHTN, TN.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[4]. Trần Trí Dõi (2000), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam,* Nxb ĐHQG, H.

[5]. Trần Trí Dõi (2003), *Chính sách ngôn ngữ văn hóa dân tộc ở Việt Nam,* Nxb ĐHQG. H.

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xét về mặt cội nguồn và loại hình** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(4 tiết)***  1.1. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xét về mặt cội nguồn  1.2. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam xét về mặt loại hình | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [2]  [3]  [4] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập: *(2 tiết)***  Phân tích đặc điểm của các ngôn ngữ ở Việt Nam. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(1 tiết)***  1. Cội nguồn và quan hệ cội nguồn.  2. Loại hình học và việc xác định loại hình các ngôn ngữ ở Việt Nam. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(2 tiết)***  Xác định cội nguồn, đặc điểm loại hình của ngôn ngữ thuộc các dân tộc thiểu số khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [2]  [3]  [4] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(15 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 1.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| **Chương 2: Chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(5 tiết)***  2.1. Chữ viết và quá trình xuất hiện chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam  2.2. Các hệ thống chữ viết trong đời sống xã hội các dân tộc thiểu số ở Việt Nam  2.3. Cách ghi các từ ngữ gốc dân tộc thiểu số trong văn bản tiếng Việt | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [2]  [3]  [4] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập*: (2 tiết)***  Phân tích những đặc điểm của hệ thống chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(1 tiết)***  1. Quyết định 53-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 22/02/1980 về chủ trương đối với chữ viết của các dân tộc thiểu số  2. Yêu cầu việc ghi thống nhất các từ ngữ gốc dân tộc thiểu số trong văn bản tiếng Việt | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(1 tiết)***  Các vấn đề đặc ra đối với chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [2]  [3]  [4] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(15 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 2.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| **Chương 3: Cảnh huống ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(5 tiết)***  3.1. Đặc điểm cảnh huống ngôn ngữ các dân tộc ở Việt Nam  3.2. Những vấn đề đặt ra từ cảnh huống ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay  **\* Kiểm tra: *(2 tiết)*** | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [2]  [3]  [4] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập*: (1 tiết)***  Phân tích những đặc điểm của cảnh huống ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(2 tiết)***  Những nhân tố ảnh hưởng tới sức sống và phát triển của ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(1 tiết)***  1. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trên các phương tiện truyền thông.  2. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong giáo dục ngôn ngữ | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [2]  [3]  [4] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(15 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 3.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [2]  [3]  [4] |
| **Chương 4: Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (10 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(5 tiết)***  4.1. Những luận điểm chính trong chính sách về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam  4.2. Sự thực hiện chính sách về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [1]  [2]  [3]  [4]  [5] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập*: (1 tiết)***  Phân tích những đặc điểm về chính sách ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [4]  [5] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(2 tiết)***  Những nhân tố ảnh hưởng tới sự thực thi chính sách về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [4]  [5] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(2 tiết)***  Những vấn đề đặt ra cho chính sách đối với ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [1]  [2]  [3]  [4]  [5] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(16 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 4.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [4]  [5] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học: có kết nối máy chiếu, bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

9.5. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP

NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ

METHODOLOGY AND METHOD OF RESEARCHON LANGUAGE

|  |
| --- |
| MÃ HỌC PHẦN: MRL 621 |

**1. Thông tin về học phần:**

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lý thuyết | 13 | 6 | 30 |
| 2 | Bài tập | 7 | 5 | 31 |
| 3 | Thực hành |
| 4 | Thảo luận | 4 | 2 |
| 5 | Kiểm tra, đánh giá | 02 |  |  |
| Tổng | | 26 | 13 | 61 |

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết:*Không*

- Học phần học trước: *Không*

- Học phần học song hành:*Không*

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa: Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung | 0986390863 | [nhungnt@tnue.edu.vn](mailto:nhungnt@tnue.edu.vn) |
|  | TS. Nguyễn Văn Trung | 0356079740 | [trungnv@tnue.edu.vn](mailto:trungnv@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)**

CO1. Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.

CO2. Vận dụng hiệu quả các tri thức về phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và tiếng Việt.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến nghiên cứu và ứng dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ.

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

*- Sử dụng động từ theo Thang nhận thức Bloom để viết các chuẩn đầu ra của học phần; cần xác định CĐR của học phần đóng góp/liên quan đến CĐR nào của CTĐT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Nắm vững và trình bày được những hiểu biết cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học: những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học, lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học, nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học. | PLO1, 2, 3 |
| CO1  CO3 | CLO2 | Nêu và phân tích được phương pháp miêu tả trong nghiên cứu ngôn ngữ; bao gồm hệ thống cácthủ pháp giải thích bên ngoài hệ thống cáccác thủ pháp giải thích bên trong. | PLO1, 2, 3 |
| CLO3 | Nêu và phân tích được nhóm phương pháp so sánh trong nghiên cứu ngôn ngữ; bao gồm phương pháp so sánh - lịch sử, phương pháp lịch sử- so sánh,và phương pháp đối chiếu. | PLO1, 2, 3, 9 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CL04 | Phát hiện và thực hiện được đề tài nghiên cứu độc lập về ngôn ngữ học. | PLO5,6,  10 |
| CO4 | CLO5 | Phát triển năng lực làm việc độc lập, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong việc tìm đọc tài liệu, xây dựng lịch sử vấn đề, xác định cơ sở lí thuyết của đề tài nghiên cứu, nâng cao kĩ năng trình bày, thuyết trình về công trình nghiên cứu ngôn ngữ của mình trước tập thể. | PLO4,  7,8 |
| CO2 | CLO6 | Phát hiện và vận dụng sáng tạo tri thức phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ trong giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống | PLO7, 9 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO7 | Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ. | PLO10,  12 |
| CLO8 | Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến ngôn ngữ học; Có khả năng tiếp thu ý kiến của các nhà khoa học, hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề thuộc ngôn ngữ học. | PLO11,  12 |
| CLO9 | Có ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếngViệt. | PLO11,  12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | x | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | x | x | X |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  | x | x |  |  |  | X |  |  |
| CLO5 |  |  |  | x |  |  | x | x |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  | x |  | x |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | X |  | x |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **1** | **1** | **1** | **2** | **1** | **2** | **2** | **2** | **3** |

**Ghi chú:“0”** = không đóng góp; **“1”** = Mức thấp (0-29% số CLOs đóng góp cho PLO); **“2”** = Mức trung bình (30-59% số CLOs đóng góp cho PLO); **“3”** = Mức cao (60-100% số CLOs đóng góp cho PLO).

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Học phần cung cấp cho học viên những nội dung lí thuyết cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu khoa học và các phươg pháp nghiên cứu ngôn ngữ. Nhờ đó, người học có thể vận dụng để xác định đề tài, làm luận văn tốt nghiệp và giải quyết các vấn đề khoa học liên quan đến ngôn ngữ học trong nghề nghiệp cũng như trong cuộc sống.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lý thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học; làm đủ các bài tập cuối mỗi chương.

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tiểu luận và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành các bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 1 và các bài seminar nhóm ở chương2,3; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kỳ.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp: các bài tập, 1 bài tiểu luận.

**8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**8.1. Hình thức và trọng số điểm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 50%)** | | | | | |
| A1 | Chuyên cần | 15% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO 1- 9 |
| A2 | Bài tập nhóm | 15% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO3, 5, 8 |
| A3 | Bài kiểm tra định kì (tiểu luận) | 20% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO 2, 3, 5 |
| **Thi kết thúc học phần (50%)** | | | | | |
| A4 | Tiểu luận | 50 | 01 | - Đáp án, thang điểm | CLO 1, 2, 3, 4, 5,6 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**Rubric đánh giá chuyên cần (A1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Chuyên cần (…%) | | | | | |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết |

**Rubric đánh giá bài tập nhóm (A2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập nhóm** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| Quá trình làm việc nhóm  (Thời gian, thái độ tham gia họp nhóm, ý kiến đóng góp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ) | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Tham gia họp nhóm ít (dưới 50%); không bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm không đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 50% trở lên; chủ động bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 70% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp hay, hiệu quả;  Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 90% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp sáng tạo; Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm báo cáo trên lớp đáp ứng yêu cầu | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **2,0** | 0 đến <1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chưa sáng tạo, có hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng sáng tạo, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức đa dạng, hấp dẫn |

**Rubric đánh giá bài tiểu luận (A3)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tiểu luận** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn | **2,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm đúng hạn. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Không có ý tưởng, hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng hay, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức độc đáo |

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Nguyễn Thiện Giáp, *Các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ*, Giáo dục, Hà Nội, 2010.

[2]. Phạm Viết Vượng, *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb. ĐHQG HN, 1997.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[3] Đỗ Hữu Châu (2007), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt,* Nxb. GD, Hà Nội.

[4] Nguyễn Thị Nhung (2010), *Định tố tính từ trong tiếng Việt,* Nxb. KHXH, HN.

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 8 tiết, trực tuyến: 3 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:(trực tiếp: 4 tiết, trực tuyến: 1 tiết)**  1.1. Những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học  1.1.1. Đại cương về khoa học  a/Khoa học là gì?  b/Các tiêu chí nhận biết một khoa học  c/Phân loại khoa học  1.1.2. Đại cương về nghiên cứu khoa học  a/Nghiên cứu khoa học là gì?  b/Các loại hình nghiên cứu khoa học  c/Tiềm lực khoa học  1.2. Lý thuyết về phương pháp nghiên cứu khoa học  1.2.1. Các cơ chế và kĩ năng sáng tạo khoa học  1.2.2. Các quan điểm tiếp cận khoa học  1.2.3. Phương pháp nghiên cứu khoa học  a/ Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học  b/ Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học chung nhất  1.2.4. Lôgic tiến trình nghiên cứu khoa học  a/Lôgic tiến trình  b/Lôgic nội dung công trình khoa học  1.3. Nội dung cơ bản của hoạt động nghiên cứu khoa học  1.3.1. Đề tài khoa học  1.3.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học | *-* Thuyết trình (của GV)  - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.  - Thảo luận nhóm  - Báo cáo/bài tập cá nhân  - Dạy học dựa trên vấn đề | A1 | [2]  Ch.  1,3,4,5,6,7,8,9 |
| CLO6 | **\* Nội dung thực hành/BT: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 2 tiết)**  *1- Lấy một đề tài NCKH SV, xác định được NC đề tài đó thuộc loại hình NC nào phân theo chức năng NC, các giai đoạn NC; xác định quan điểm phương pháp luận cho việc NC đề tài đó.*  *2-Lấy một đề tài NCKH ngôn ngữ, xác định được các phương pháp NC chung phù hợp với đề tài đó.*  *3-Đề xuất được một đề tài NCKH ngôn ngữ ở trình độ đề tài LVThS xác định tiến trình NC và xây dựng đề cương NC cho đề tài KH ấy.* | **-** Làm bài tập  - Trả bài trên lớp vào giờ sau | A1 |  |
| CLO5CLO6 | **\* Nội dung thảo luận: (trực tiếp: 1 tiết, trực tuyến: 1 tiết)**  *1- Các tiềm lực KH cho một đề tài NCKH SV Khoa Ngữ văn trường ĐHSP Thái Nguyên?* (BT nhóm)  *2- Cơ chế phù hợp với sự sáng tạo KH của SV?* (BT nhóm)  *3- Phân biệt các phương pháp trong nội bộ mỗi nhóm* | Biên bản thảo luận nhóm | A1 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(16 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 1,  - Làm bài tập,  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận | - Sổ ghi chép - Vở BT  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | *A1* |  |
| **Chương 2: Phương pháp miêu tả trong nghiên cứu ngôn ngữ** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO2 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 8 tiết, trực tuyến: 6 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:(trực tiếp: 5 tiết, trực tuyến: 3 tiết)**  2.1. Các thủ pháp giải thích bên ngoài  2.1.1. Các thủ pháp xã hội học  2.1.2. Thủ pháp trường nghĩa  2.1.3. Thủ pháp phân tích ngôn cảnh  2.1.4. Thủ pháp phân bố  2.2. Các thủ pháp giải thích bên trong  2.2.1. Các thủ pháp phân loại và hệ thống hóa  2.2.2. Thủ pháp phân tích thành tố trược tiếp  2.2.3. Thủ pháp phân tích vị từ- tham tố  2.2.4. Thủ pháp phân tích nghĩa tố  2.2.5. Thủ pháp phân tích nguyên tử ngữ nghĩa  2.2.6. Thủ pháp phân tích khối tối đa  2.3. Các thủ pháp lôgic học, toán học và ngôn ngữ học tâm lí  2.3.1. Thủ pháp lôgic học  2.3.2. Thủ pháp thống kê toán học  2.3.3. Thủ pháp vận dụng khái niệm *tập hợp*  2.3.4. Thủ pháp vận dụng khái niệm *hàm*  2.3.5. Thủ pháp vận dụng các phép toán mệnh đề  2.3.6. Thủ pháp ngôn ngữ học tâm lí | *-* Thuyết trình (của GV)  - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.  - Dạy học dựa trên vấn đề  - Thảo luận nhóm  - Báo cáo/bài tập cá nhân (PP rèn luyện theo mẫu, hỏi chuyên gia) | A1, A3 | [1]  Ph 1 |
| CLO7 | **\* Nội dung thực hành/BT: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 2 tiết)**  *Nhận diện các thủ pháp giải thích bên ngoài, các thủ pháp giải thích bên trong, các thủ pháp logic học, toán học và ngôn ngữ học tâm líở một công trình NC ngôn ngữ.* | **-** Nộp vở bài tập | A1 |  |
| CLO4CLO5  CLO6  CLO9 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (trực tiếp: 1 tiết, trực tuyến: 1 tiết)**  *\* Bài 1:*  *1.Điểm khác biệt giữa các thủ pháp giải thích bên ngoài (thủ pháp: xã hội học, trường nghĩa, phân tích ngôn cảnh, phân bố)*  *2.Điểm khác biệt giữa các thủ pháp giải thích bên trong (thủ pháp phân loại và hệ thống hóa, phân tích thành tố trực tiếp, phân tích vị từ - tham tố, phân tích nghĩa tố, phân tích nguyên tử nghĩa, phân tích khối tối đa).* | Biên bản thảo luận nhóm | A1 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(32 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 2,  - Làm bài tập,  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận  ***Kiểm tra (Tiểu luận)*** | - Sổ ghi chép  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | A1 |  |
| **Chương 3: Nhóm phương pháp so sánh trong nghiên cứu ngôn ngữ** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (trực tiếp: 8 tiết, trực tuyến: 4 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:(trực tiếp: 14tiết, trực tuyến: 2 tiết)**  3.1. Phương pháp so sánh - lịch sử  3.1.1. Phương pháp so sánh - lịch sử và mục đích của nó  3.1.2. Các thủ pháp của phương pháp so sánh - lịch sử  3.2. Phương pháp lịch sử- so sánh  3.2.1. Phương pháp lịch sử- so sánh và mục đích của nó  3.2.2. Các thủ pháp của phương pháp lịch sử- so sánh  3.3. Phương pháp đối chiếu  3.3.1. Phương pháp đối chiếu và mục đích của nó  3.3.2. Các thủ pháp của phương pháp đối chiếu | *-* Thuyết trình (của GV)  - Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.  - Thảo luận nhóm  - Báo cáo/bài tập cá nhân  - Dạy học dựa trên vấn đề | A1, A2 | [1]  P2. |
| CLO7 | **\* Nội dung thực hành/BT: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 2 tiết)**  *Tìm một đề tài NCKH ngôn ngữ ở trình độ luận văn Thạc sĩ và xác định các phương pháp, thủ pháp phù hợp có thể vận dụng*.  ***Làm bài kiểm tra định kì*** | - Nộp bài tiểu luận | A1 |  |
| CLO4CLO5  CLO6  CLO9 | **\* Nội dung thảo luận: (trực tiếp: 2 tiết, trực tuyến: 0 tiết)**  *1*- *Khả năng vận dụng của 3 phương pháp: phương pháp so sánh - lịch sử, phương pháp lịch sử- so sánh, phương pháp đối chiếu đối với HV cao học ngôn ngữ của trường ĐHSP Thái Nguyên.*  *2- Cần sử dụng các phương pháp so sánh loại hình và so sánh đối chiếu trong những trường hợp nào?* | Biên bản thảo luận nhóm | A1, A2 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(36 tiết)*  *-* Đọc tài liệu liên quan đến chương 2,  - Làm bài tập,  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận | - Sổ ghi chép - Bài tiểu luận  - Phiếu ghi ý kiến thảo luận | A1 |  |
|  | **Thi hết học phần:** (theo kế hoạch) |  | A4 |  |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành:….

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu

9.6. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | VẬN DỤNG TRI THỨC NGỮ ÂM TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG |
|  | APPLYING PHONETIC KNOWLEDGE IN TEACHING VIETNAMESE AT SCHOOLS |
| MÃ HỌC PHẦN: | **PTV621** |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 13 | 6 | 29 |
| 2 | Bài tập | 4 | 2 | 32 |
| 3 | Thực hành | 4 | 2 |
| 4 | Thảo luận | 4 | 2 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 2 | 0 |  |
| Tổng | | 27 | 12 | 61 |

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🞏(🗹) Tiếng Anh: 🞏 (🗹)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Nguyễn Thu Quỳnh | 0975.459.119 | [quynhn@tnue.edu.vn](mailto:quynhn@tnue.edu.vn) |
|  | PGS.TS Đào Thị Vân | 0934.044.054 | [khanhvandhsp@gmail.com](mailto:khanhvandhsp@gmail.com) |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

*\* Về kiến thức*

**CO1.**Hiểu và lí giải đượchệ thống các kiến thức chuyên sâuvề ngữ âm, ngữ âm tiếng Việt như: cơ sở ngữ âm - âm vị học, âm tiết, các đơn vị ngữ âm,… và một số vấn đề liên quan đến ngữ âm trong nhà trường.

**CO2.**Vận dụng được kiến thức của học phần để có những định hướng nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu các vấn đề liên quan đến ngữ âm, ngữ âm tiếng Việt trong chương trình phổ thông và tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

*\* Về kĩ năng*

**CO3.**Áp dụng được tri thức của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực ngữ âm - âm vị học.

**CO4.**Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

*\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

**CO5.** Thể hiện năng lực làm việc độc lập, tự chủ, trách nhiệm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu vận dụng những nội dung phù hợp trong môn học để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trong công việc của bản thân; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ.

**CO6.** Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức chuyên sâu về ngữ âm - âm vị học (tổng quan về âm thanh ngôn ngữ, ngữ âm - ngữ âm học, cơ sở nghiên cứu ngữ âm); các đơn vị ngữ âm (đơn vị đoạn tính, đơn vị siêu đoạn tính) và các kiến thức chuyên sâu về âm tiết, âm vị tiếng Việt hiện đại. | PLO1,2,3 |
| CLO2 | Phân biệt được độ cao, độ mạnh và độ dài khi phát âm; phân biệt được ngữ âm học và âm vị học; phân biệt các đơn vị ngữ âm đoạn tính và siêu đoạn tính. Lí giải được tính độc lập cao của âm tiết tiếng Việt trong lời nói; các lược đồ về cấu tạo của âm tiết tiếng Việt. Lí giải được các giải pháp về số lượng và khả năng phân bố của hệ thống âm vị tiếng Việt hiện đại. | PLO1,2,3 |
| CO2 | CLO3 | Áp dụng được kiến thức chuyên sâu của học phần để định hướng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về ngữ âm tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn phổ thông. | PLO1,2,3 |
| CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn (tiến sĩ). | PLO1,2,3 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CLO5 | Áp dụng được tri thức chuyên sâu của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung liên quan đến ngữ âm tiếng Việt được giảng dạy trường phổ thông. | PLO5, 7 |
| CO4 | CLO6 | Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn sâu về ngữ âm, ngữ âm tiếng Việt để giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống. | PLO6, 9 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ . | PLO8 |
| CLO8 | Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, trong hoạt động chuyên môn. | PLO4 |
|  | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO9 | Có năng lực làm việc độc lập, tự chủ, trách nhiệm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp của học phần trong giảng dạy những nội dung có liên quan đến ngữ âm, ngữ âm tiếng Việt ở trường phổ thông; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ. | PLO10, 11, 12 |
| CO6 | CLO10 | Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề ngiệp, có ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. | PLO10, 11, 12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO2 |  | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO3 |  | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO4 |  | x | X |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | x | X |  |  |  | x | x |  | x | x | x |
| CLO6 |  | x | X |  | x | x |  |  | x | x | x | x |
| CLO7 |  | x | X |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO9 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| **MĐG** | **1** | **3** | **3** | **1** | **3** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **2** | **2** |

***Ghi chú:“0”*** *= đóng góp không rõ ràng;* ***“1”*** *= Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“2”*** *= Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“3”*** *= Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).*

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần bắt buộc, giới thiệu kiến thức chuyên sâu về ngữ âm, ngữ âm tiếng Việt và việc vận dụng những kiến thức về ngữ âm, ngữ âm tiếng Việt trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông. Nội dung của học phần trang bị cho học viên những kiến thức chuyên sâu và mở rộng về các nội dung dạy học có liên quan đến ngữ âm Tiếng Việt ở trường phổ thông. Trên cơ sở đó, người học có những định hướng về kịch bản dạy học ở từng nội dung cụ thể gắn với việc dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lí thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học*: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...*

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập nhóm nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 1 và 01 bài seminar nhóm ở chương 2; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kì.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp.

- Các yêu cầu khác (nếu có)

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

**8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm**

*- Sử dụng thang 10 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 50%)** | | | | | |
| 1 | A1. Chuyên cần | 10% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO  1-10 |
| 2 | A2. Bài tập nhóm | 20% | 01 | Rubric đánh giá bài tập nhóm | CLO  3,5,6,10 |
| 3 | A3. Bài kiểm tra định kì | 20% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO  1,2,3,9,10 |
| **Thi kết thúc học phần** | | | | | |
| 4 | A4. Tự luận | 50% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO  1-10 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**Rubric đánh giá chuyên cần (A1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên cần** | | | | | |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lí thuyết |

**Rubric đánh giá bài tập nhóm (A2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập nhóm** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| **Báo cáo của nhóm trưởng**  (Thời gian, thái độ tham gia họp nhóm, ý kiến đóng góp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ) | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Tham gia họp nhóm ít (dưới 50%); không bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm không đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 50% trở lên; chủ động bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 70% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp hay, hiệu quả;  Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 90% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp sáng tạo; Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm báo cáo trên lớp đáp ứng yêu cầu | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **2,0** | 0 đến <1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chưa sáng tạo, có hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng sáng tạo, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức đa dạng, hấp dẫn |

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập**

[1]. Nguyễn Tài Cẩn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.

[2]. Nguyễn Quang Hồng (2002), *Âm tiết và loại hình ngôn ngữ*, Nxb ĐHQG, H.

[3]. Nguyễn Quang Hồng, Phan Diễm Phương (2017), *Âm tiết tiếng Việt và ngôn từ thi ca (Chuyên luận thi học),* Nxb ĐHQG, H.

[4]. Vương Hữu Lễ, Hoàng Dũng (1994), *Giáo trình ngữ âm tiếng Việt*, Nxb GD, H.

[5]. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) (1997), *Dẫn luận ngôn ngữ học,* Nxb GD, H.

[6]. Đoàn Thiện Thuật (2004), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, H.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[7]. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2012), *Phương pháp dạy học tiếng Việt nhìn từ tiểu học,* Nxb Giáo dục, H.

[8]. Trần Bá Hoành (2010),*Đổi mới phương pháp dạy học, chương trình và sách giáo khoa,* Nxb Đại học Sư phạm, H.

[9]. Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới,* Nxb ĐHSP, H.

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Cơ sở ngữ âm - âm vị học và việc vận dụng trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (17 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(8 tiết)***  1.1. Tổng quan về âm thanh ngôn ngữ  1.2. Khái quát về ngữ âm và ngữ âm học  1.3. Những cơ sở nghiên cứu ngữ âm  1.4. Các đơn vị ngữ âm  1.5. Vận dụng tri thức về cơ sở ngữ âm - âm vị học trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [4]  [5]  [7]  [9] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập: *(3 tiết)***  1. Tìm những dẫn chứng trong sách giáo khoa Tiếng Việt (Tiểu học) về sự khác nhau ở độ cao, độ mạnh, độ dài khi phát âm.  2. Có ý kiến phân biệt ngữ âm học và âm vị học. Theo quan niệm này, ngữ âm học hiểu theo nghĩa hẹp là bộ môn nghiên cứu mặt tự nhiên của ngữ âm, còn âm vị học nghiên cứu mặt xã hội của ngữ âm. Anh (chị) hiểu thế nào về nội dung của quan niệm đó.  3. Nêu các thành ngữ, tục ngữ, ca dao trong tiếng Việt có liên quan tới sự phát âm hay âm thanh ngôn ngữ. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [4]  [5]  [7]  [9] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(3 tiết)***  1. Giữa tiếng ho, tiếng rên và tiếng nói có gì giống và khác nhau?  2. Khi ta đọc thầm, nhẩm, suy nghĩ, mặt âm thanh của ngôn ngữ có tồn tại không? Tại sao?  3. Tại sao mỗi người chỉ có một bộ máy phát âm nhưng có thể phát ra rất nhiều âm thanh khác nhau?  4. Vì sao mặt xã hội chính là tính quy ước của âm vị? Hãy phân tích cơ sở xã hội của việc nghiên cứu ngữ âm? Cho ví dụ minh họa? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [4]  [5]  [7]  [9] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(3 tiết)***  Thực hành xây dựng kế hoạch bài học và giảng dạy một đơn vị kiến thức tiếng Việt có liên quan đến cơ sở ngữ âm - âm vị học được giảng dạy ở trường phổ thông. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [4]  [5]  [7]  [9] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(20 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 1.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [4]  [5]  [7]  [9] |
| **Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt hiện đại và việc vận dụng trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (22 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(11 tiết)***  2.1. Âm tiết tiếng Việt hiện đại  2.2. Âm vị tiếng Việt hiện đại  2.3. Vận dụng tri thức về âm tiết, âm vị tiếng Việt trong dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông  **\* Kiểm tra định kì: *(2 tiết)*** | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [1]  [2]  [3]  [6]  [7]  [8]  [9] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập*: (3 tiết)***  1. Chứng minh tính chặt chẽ của cấu trúc âm tiết tiếng Việt.  2. Phân loại các âm tiết trong khổ thơ sau theo cách mở đầu và kết thúc âm tiết. Phân tích giá trị biểu cảm của một số âm tiết xuất hiện trong khổ thơ.  3. Gọi các phụ âm [b] hoặc [d], [l], [r], [s] trong tiếng Việt là A, nguyên âm [a] là B. Có những kiểu kết hợp nào (trong các kiểu AB, BA, AA, BB) được chấp nhận trong tiếng Việt? Tại sao?  4. Gọi các phụ âm [p] hoặc [t], [m], [n] là A, nguyên âm [a] là B. Có những kiểu kết hợp nào được chấp nhận trong tiếng Việt? Anh (chị) có nhận xét gì về sự kết hợp của các nguyên âm và phụ âm trong âm tiết tiếng Việt và vị trí của chúng trong âm tiết? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [6]  [7]  [8]  [9] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(3 tiết)***  1. Nêu vai trò của hệ thống âm đầu. Cách phát âm các âm đầu ở địa phương anh (chị) có gì đặc biệt?  2. Thảo luận các giải pháp về âm đệm, vấn đề số lượng âm đệm, xu thế lược bỏ âm đệm trong tiếng Việt hiện đại.  3. Tại sao yếu tố nguyên âm trong âm tiết tiếng Việt được gọi là âm chính? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [6]  [7]  [8]  [9] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(3 tiết)***  Thực hành xây dựng kế hoạch bài học và giảng dạy một đơn vị kiến thức tiếng Việt có liên quan đến các vấn đề ngôn ngữ thơ (hiệp vần, niêm luật thơ, phối thanh, phân bố thanh điệu...) được giảng dạy ở trường phổ thông. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [1]  [2]  [3]  [6]  [7]  [8]  [9] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(31 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 2.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [6]  [7]  [8]  [9] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học: có kết nối máy chiếu, bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

9.7. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | NGỮ PHÁP HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT  GENERAL SYNTAX GRAMMAR & SOME VIETNAMESE GRAMMATICAL PROBLEMS |
| MÃ HỌC PHẦN: | GVG631 |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

Lý thuyết: 30; Bài tập: 10; Thực hành/Thí nghiệm: 10; Thảo luận/Seminar: 10; Thực tế chuyên môn: 0; Tự học: 90)

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 19 | 9 | 70 |
| 2 | Bài tập | 10 | 3 | 20 |
| 3 | Thực hành | 10 | 3 |
| 4 | Thảo luận | 10 | 3 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 02 |  |  |
| Tổng | | 42 | 18 | 90 |

- Loại học phần: Bắt buộc

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | PGS.TS. Nguyễn Văn Lộc | 0915213123 | nguyenvanlocdhsptn@gmail.com |
|  | TS. Nguyễn Mạnh Tiến | 0962021286 | tiennm@tnue.edu.vn |

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)**

***\* Về kiến thức***

CO1: Trình bày được những kiến thức tổng quát, cập nhật về ngữ pháp đại cương: bản chất của bình diện ngữ pháp, các đơn vị ngữ pháp, ý nghĩa, hình thức ngữ pháp, vai trò,chức năng ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp…

CO2: Trình bàyđược vấn đề có tính cập nhật và chuyên sâu về ngữ pháp tiếng Việt như: đặc điểm của ngữ pháp tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ đơn lập, những vấn đề tranh luận và những vấn đề có tính thời sự về ngữ pháp tiếng Việt. CO3: Trình bàyđược các nguyên tắc, thủ pháp và quy trình phân tích ngữ pháp tiếng Việt.

***\* Về kĩ năng***

CO4: Củng cố, phát triển được kĩ năng tư duy lí luận, tư duy phản biện về những vấn đề thuộc ngữ pháp đại cương và ngữ pháp tiếng Việt.

CO5: Củng cố, phát triển được kĩ năng nghiên cứu về ngữ pháp (kĩ năng phát hiện và đề xuất cách giải quyết những vấn đề lí luận và thực tiễn của ngữ pháp tiếng Việt).

CO6: Phát triển được kĩ năng thực hành, phân tích ngữ pháp và kĩ năng dùng từ, đặt câu và tạo lập văn bản nhằm đạt hiệu quả giao tiếp cao.

CO7: Bồi dưỡng, phát triển kĩ năng dạy học ngữ pháp tiếng Việt ở trường đại học, cao đẳng và trường phổ thông.

***\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

CO8: Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành ngữ pháp tiếng Việt.

CO9: Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề thuộc ngữ pháp tiếng Việt.

CO10: Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến ngữ pháp tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

*- Sử dụng động từ theo Thang nhận thức Bloom để viết các chuẩn đầu ra của học phần; cần xác định CĐR của học phần đóng góp/liên quan đến CĐR nào của CTĐT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Trình bày được bình diện ngữ pháp trong lí thuyết tam phân. | PLO2, 3 |
| CLO2 | Trình bày được hệ thống các đơn vị ngữ pháp. | PLO2, 3 |
| CLO3 | Trình bày được ý nghĩa, hình thức và chức năng ngữ pháp. | PLO2, 3 |
| CO2 | CLO4 | Trình bày được một số vấn đề có tính cập nhật và chuyên sâu về ngữ pháp tiếng Việt như: đặc điểm của ngữ pháp tiếng Việt với tư cách là một ngôn ngữ đơn lập, | PLO2, 3 |
| CO3 | CLO5 | Phân tích được những vấn đề tranh luận và những vấn đề có tính thời sự về ngữ pháp tiếng Việt. | PLO2, 3 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO4 | CLO6 | Củng cố, phát triển được kĩ năng tư duy lí luận, tư duy phản biện về những vấn đề thuộc ngữ pháp đại cương và ngữ pháp tiếng Việt. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
| CO5 | CLO7 | Củng cố, phát triển được kĩ năng nghiên cứu về ngữ pháp (kĩ năng phát hiện và đề xuất cách giải quyết những vấn đề lí luận và thực tiễn của ngữ pháp tiếng Việt). | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
| CO6 | CLO8 | Phát triển được kĩ năng thực hành, phân tích ngữ pháp và kĩ năng dùng từ, đặt câu và tạo lập văn bản nhằm đạt hiệu quả giao tiếp cao. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
| CO7 | CLO9 | Bồi dưỡng, phát triển kĩ năng dạy học ngữ pháp tiếng Việt ở trường đại học, cao đẳng và trường phổ thông. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO8 | CLO10 | Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành ngữ pháp tiếng Việt | PLO10,11,12 |
| CO9 | CLO11 | Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề về ngữ pháp tiếng Việt. | PLO10,11,12 |
| CO10 | CLO12 | Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến ngữ pháp tiếng Việt. | PLO10,11,12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO7 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO8 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO9 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO10 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO11 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO12 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| **MĐG** | **0** | **3** | **3** | **0** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **1** | **1** | **1** |

**Ghi chú:“0”** = không đóng góp; **“1”** = Mức thấp (0-29% số CLOs đóng góp cho PLO); **“2”** = Mức trung bình (30-59% số CLOs đóng góp cho PLO); **“3”** = Mức cao (60-100% số CLOs đóng góp cho PLO).

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản về tổng quan về ngữ pháp và ngữ pháp học; một số đặc điểm cơ bản của ngữ pháp tiếng Việt; một số đặc điểm tranh luận trong ngữ pháp tiếng Việt. Qua đó, giúp người học ý thức được về vai trò, tầm quan trọng của ngữ pháp và biết vận dụng tri thức về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt để nâng cao hiệu quả giao tiếp và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu, giảng dạy tiếng Việt.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 70% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Bài tập cá nhân, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tiểu luận và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành bài thảo luận nhóm; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành bài kiểm tra định kỳ.

**8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**8.1. Hình thức và trọng số điểm**

- Đánh giá theo thang 10 điểm.

- Hình thức đánh giá:

A­1: Chuyên cần;

A2: Bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

+ Trọng số điểm: 50% *(*Chuyên cần *10%;* Bài tập cá nhân/ thực hành; bài tiểu luận/ thảo luận nhóm *20%;*Bài kiểm tra định kỳ *20%).*

+ Hình thức:Phối hợp các hình thức đánh giá qua Bài tập cá nhân/nhóm; thực hành; tiểu luận; thuyết trình cá nhân/nhóm; Tự luận

- Thi kết thúc học phần:Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận;*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hình thức | Trọng số điểm (%) | Số lượt đánh giá | CĐR của HP |
| Đánh giá quá trình (trọng số 50%) | | | | |
| 1 | Chuyên cần | 10 | 01 | CLO 1-12 |
| 2 | Bài tập cá nhân, tiểu luận, Thảo luận nhóm | 20 | 01 | CLO 1-12 |
| 3 | Bài kiểm tra định kì | 20 | Đáp án, thang điểm | CLO 1-12 |
| Thi kết thúc học phần | | | | |
|  | Tự luận | 50 | Đáp án, thang điểm | CLO 1-12 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

Rubric đánh giá chuyên cần

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Chuyên cần (5 %) | | | | | |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết |

Rubric đánh giá bài tập cá nhân, tiểu luận

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %) | | | | | |
| Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao. | Nội dung sản phẩm đáp ứng 50 -64% yêu cầu được giao. | Nội dung sản phẩm đáp ứng 65 -79% yêu cầu được giao. | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao. |

Rubric đánh giá bài tập thảo luận nhóm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %) | | | | | |
| - Trình bày nội dung đầy đủ theo yêu cầu | 4,0 | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 3,0 | 3,0 đến 4,0 |
| Trình bày nội dung đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao. | Trình bày nội dung đáp ứng 50 -64% yêu cầu được giao. | Trình bày nội dung đáp ứng 65 -79% yêu cầu được giao. | Trình bày nội dung đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao. |
| Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học và logic | 2,0 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến 2,0 |
| Trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu. | Trình bày báo cáo đáp ứng 50 -64% yêu cầu. | Trình bày báo cáo đáp ứng 65 -79% yêu cầu. | Trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu. |
| Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng | 2,0 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến 2,0 |
| Trả lời câu hỏiđáp ứng dưới 50% yêu cầu. | Trả lời câu hỏiđáp ứng 50 -64% yêu cầu. | Trả lời câu hỏiđáp ứng 65 -79% yêu cầu. | Trả lời câu hỏiđáp ứng trên 80% yêu cầu. |
| Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | 2,0 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến 2,0 |
| Nhóm chưa phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm có phối hợp và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao | Nhómphối hợp tốt và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời. | Nhóm phối hợp rất tốt và chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời. |

Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Diệp Quang Ban, (2000), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục

[2]. Đinh Văn Đức, (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*, NXB Giáo dục

[4]. Đỗ Hữu Châu (chủ biên), Bùi Minh Toán, (2009) *Đại cương về ngôn ngữ học*, Tập I, NXB Giáo dục

[5]. IU. V.Rozdestvenxki, (1998), *Những bài giảng ngôn ngữ học đại cương*, (Đỗ Việt Hùng dịch), NXB Giáo dục

[6]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, (1998),*Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Giáo dục

[7]. Nguyễn Tài Cẩn, (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHQG HN

[8]. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, (1997.), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, NXB Giáo dục

**9.2. Tài liệu tham khảo**

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Tổng quan về ngữ pháp học** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp ( 24 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*( 11 tiết)***  11. Bình diện ngữ pháp trong lí thuyết tam phân  1.1.1. Vài nét về lí thuyết tam phân trong ngôn ngữ học  1.1.2. Bản chất của bình diện ngữ pháp | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | *A1,A2* | [1], [2]  [3], [6]. [8] |
| CLO2, CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | 1.2. Hệ thống các đơn vị ngữ pháp  1.2.1. Bản chất, đặc điểm chung của các đơn vị ngữ pháp  1.2.2. Các loại đơn vị ngữ pháp cơ bản và vị trí của chúng trong hệ thống  1.2.3. Các kiểu quan hệ hệ thống giữa các đơn vị ngữ pháp | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | *A1,A2* |  |
| CLO3, CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | 1.3.Ý nghĩa, hình thức và chức năng ngữ pháp  1.3.1. Ý nghĩa ngữ pháp  1.3.1.1. Bản chất, đặc điểm của ý nghĩa ngữ pháp và ranh giới giữa nó với các loại nghĩa khác  1.3.1.2. Các kiểu ý nghĩa ngữ pháp  1.3. 2. Hình thức ngữ pháp  1.3.2.1. Hình thức ngữ pháp theo cách hiểu hẹp và cách hiểu rộng  1.3.2.2. Hình thức ngữ pháp trong các ngôn ngữ đơn lập và trong tiếng Việt  1.3.3. Chức năng ngữ pháp  1.3.3.1. Khái niệm chức năng và chức năng ngữ pháp  1.3.3.2. Phân biệt chức năng ngữ pháp với vai trò ngữ pháp  1.4. Quan hệ cú pháp  1.4.1. Khái niệm quan hệ cú pháp và cách xác định sự có mặt của mối quan hệ cú pháp giữa hai từ  1.4.2. Cách xác định các kiểu quan hệ cú pháp giữa các từ  1.4.3. Ranh giới giữa quan hệ cú pháp với quan hệ về mặt giao tiếp và quan hệ về mặt nghĩa biểu hiện | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | *A1,A2* |  |
| CLO1,  CLO2,  CLO3,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **Bài kiểm tra số 1 (1 tiết)** |  | *A3* |  |
| CLO1,  CLO2,  CLO3,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **\* Nội dung bài tập, thực hành (8 tiết)**  1) Trình bày các quan niệm khác nhau về bản chất của bình diện ngữ pháp.  2) Chỉ ra:  - Cách phân xuất hình vị  - Vị trí của câu trong hệ thống các đơn vị ngữ pháp | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | *A1,A2* |  |
| CLO1,  CLO2,  CLO3,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết)**  1) Phân biệt ý nghĩa ngữ pháp với ý nghĩa biểu hiện và ý nghĩa chủ đề.  2) Phân biệt quan hệ cú pháp với quan hệ về mặt giao tiếp và quan hệ về mặt nghĩa biểu hiện. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | *A1,A2* |  |
|  |  |  |  |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(35 tiết)*  - Đọc tài liệu những nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp.  - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Ôn tập nội dung đã học. | *Tự nghiên cứu* | *A1,A2* |  |
| **Chương 2:Một số đặc điểm của ngữ pháp tiếng Việt** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO4,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp ( 14 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*( 8 tiết)***  2.1. Đặc điểm của hình vị và từ tiếng Việt  2.1.1. Đặc điểm của hình vị tiếng Việt  2.1.2. Đặc điểm ngữ pháp của từ tiếng Việt  2.2. Đặc điểm của hệ thống từ loại tiếng Việt  2.2.1. Đối lập giữa thực từ và hư từ trong tiếng Việt  2.2.2. Đối lập giữa các từ loại trong tiếng Việt  2.2.3. Cách xử lý những trường hợp trung gian giữa các từ loại  2.3. Đặc điểm của cú pháp tiếng Việt  2.3.1. Vai trò của trật tự từ, hư từ và ngữ điệu  2.3.1.1. Vai trò hàng đầu của trật tự từ  2.3.1.2. Trật tự từ không phải là thức duy nhất có giá trị tuyệt đối  2.3.1.3.Vai trò quan trọng của hư từ và ngữ điệu  2.3.2. Đối lập không rõ ràng giữa các cấu trúc cú pháp, các thành phần câu, các kiểu câu  2.3.2.1. Hiện tượng đồng hình giữa cụm chủ vị và cụm danh từ  2.3.2.2. Đối lập không rõ ràng giữa các thành phần câu  2.3.2.3. Đối lập không rõ ràng giữa các kiểu câu  Kiểm tra | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | *A1,A2* | [2]  [3],  [7], [8] |
| CLO4,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **\* Nội dung bài tập, thực hành: (4 tiết)**  Trình bày vấn đề xác định từ loại của các trường hợp chuyển loại. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | *A1,A2* |  |
| CLO4,  CLO6,  CLO7,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (2 tiết)**  Phân biệt vị ngữ với định ngữ. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | *A1,A2* |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(20 tiết)*  - Đọc tài liệu những nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp.  - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Ôn tập nội dung đã học. | *Tự nghiên cứu* | *A1,A2* |  |
| **Chương 3: Một số vấn đề tranh luận trong ngữ pháp tiếng Việt** | | | | |
|  | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO5, CLO6,  CLO7,  CLO8,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp ( 22 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*( 9 tiết)***  3.1. Vấn đề xác định phạm vi, ranh giới của hình vị và từ trong tiếng Việt  3.1.1. Vấn đề định nghĩa, xác định phạm vi, ranh giới của hình vị  3.1.2. Vấn đề định nghĩa xác định phạm vi, ranh giới của từ  3.2. Vấn đề xác định đặc tính, phạm vi của các từ loại trong tiếng Việt  3.2.1. Vấn đề xác định phạm vi, ranh giới của động từ  3.2.2. Vấn đề xác định phạm vi, ranh giới của danh từ  3.3. Các quan niệm về hệ thống thành phần câu  3.3.1. Các quan niệm về phạm vi của thành phần câu  3.3.1.1. Về vấn đề đặc tính từ loại của các từ có khả năng làm thành phần câu  3.3.1.2. Về vấn đề phân biệt thành phần câu với thành phần của từ tổ  3.3.1.2. Về vấn đề tính phổ biến và đặc thù của thành phần câu  3.3.2. Các quan niệm về tiêu chí xác định thành phần câu  3.3.2.1. Cách xác định thành phần câu dựa chủ yếu vào nghĩa  3.3.2.2. Cách xác định thành phần câu dựa chủ yếu vào hình thức  3.3.2.3. Cách xác định thành phần câu dựa cả vào ý nghĩa lẫn hình thức  3.4. Về vấn đề phân biệt chủ ngữ với bổ ngữ  3.4.1. Phân biệt chủ ngữ với bổ ngữ trong những câu có vị ngữ vốn là động từ ngoại hướng được dùng trong ý nghĩa tồn tại  3.4.2. Phân biệt chủ ngữ với bổ ngữ trong những câu có vị ngữ vốn là động từ chủ động ngoại hướng được dùng trong ý nghĩa bị động  3.5. Về phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp  3.5.1. Về vấn đề câu bình thường và câu đặc biệt  3.5.2. Về vấn đề phân chia câu thành câu đơn, câu phức, câu ghép  3.6. Các quan niệm khác nhau trong việc phân tích cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu  3.6.1. Về việc xác định, phân loại sự tình được biểu thị trong câu  3.6.2. Về việc xác định hạt nhân ngữ nghĩa trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu  3.6.3. Về việc xác định các vai nghĩa trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | *A1,A2* | [2]  [3],  [7], [8] |
| CLO5, CLO6,  CLO7,  CLO8,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **\* Nội dung bài tập, thực hành ( 8 tiết)**  1) Xác định đặc tính từ loại của các từ trống nghĩa: (là, được, bị, khiến, dùng, lúc, khi, hồi..)  2) Trình bày phương thức cấu tạo các kiểu câu có cùng nghĩa biểu hiện trong tiếng Việt. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | *A1,A2* |  |
| CLO5, CLO6,  CLO7,  CLO8,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: (4 tiết)**  Xác định hạt nhân ngữ nghĩa trong cấu trúc nghĩa biểu hiện của những câu có vị ngữ là động từ trống nghĩa. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | *A1,A2* |  |
| CLO5, CLO6,  CLO7,  CLO8,  CLO9,  CLO10,  CLO11,  CLO12 | **Bài kiểm tra số 2 (1 tiết)** |  | *A3* |  |
|  | **B. Nội dung tự học**: *(35 tiết)*  - Đọc tài liệu những nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp.  - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Ôn tập nội dung đã học. | *Tự nghiên cứu* | *A1,A2* |  |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.

9.8. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | VẬN DỤNG LÝ THUYẾT KẾT TRỊ VÀO VIỆC PHÂN TÍCH CÂU TIẾNG VIỆT  APPLY COMBINATION THERAPY THEORY IN ANALYZING SENTECE |
| MÃ HỌC PHẦN: | ATS621 |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 2; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

Lý thuyết: 21; Bài tập: 6; Thực hành/Thí nghiệm: 6; Thảo luận/Seminar: 6; Thực tế chuyên môn: 0; Tự học: 61)

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 20 | 6 | 41 |
| 2 | Bài tập | 6 | 2 | 20 |
| 3 | Thực hành | 6 | 2 |
| 4 | Thảo luận | 6 | 2 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 01 |  |  |
| Tổng | | 39 | 18 | 61 |

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | PGS.TS. Nguyễn Văn Lộc | 0915213123 | nguyenvanlocdhsptn@gmail.com |
|  | TS. Nguyễn Mạnh Tiến | 0962021286 | [tiennm@tnue.edu.vn](mailto:tiennm@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu CO - Course Objectives)**

***\* Về kiến thức***

CO1: Trình bày được những vấn đề cơ bản về lí thuyết cú pháp, lí thuyết kết trị và khả năng, cách vận dụng lí thuyết này vào việc phân tích ngữ pháp.

CO2: Trình bàyđược những thành tựu chính trong việc nghiên cứu câu tiếng Việt theo lí thuyết kết trị.

CO3: Phân tích được đặc điểm cú pháp của câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ.

***\* Về kĩ năng***

CO4: Phát triển được kĩ năng tư duy phê phán đối với những vấn đề lí luận và thực tiễn của ngữ pháp.

CO5:Hình thành và phát triển được kĩ năng phân tích, miêu tả ngữ pháp với tư cách là bình diện được đặc trưng bởi cả mặt nội dung và hình thức.

CO6: Phát triển được các kĩ năng độc lập nghiên cứu về ngữ pháp dựa vào lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại.

CO7: Phát triển kĩ năng thực hành ngữ pháp: phân tích, sử dụng các phương tiện ngữ pháp tiếng Việt nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp.

***\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm***

CO8: Ý thức được về vai trò, tầm quan trọng của lý thuyết kết trị vào việc nghiên cứu câu tiếng Việt.

CO9: Vận dụng được tri thức của môn học để nâng cao hiệu qủa giao tiếp và nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt

CO10: Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến ngữ pháp tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

*- Sử dụng động từ theo Thang nhận thức Bloom để viết các chuẩn đầu ra của học phần; cần xác định CĐR của học phần đóng góp/liên quan đến CĐR nào của CTĐT.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Trình bày được các khuynh hướng khác nhau trong việc nghiên cứu câu về ngữ pháp | PLO2, 3 |
| CO2 | Trình bày được lí thuyết kết trị và việc vận dụng vào việc nghiên cứu câu tiếng Việt | PLO2, 3 |
| CO3 | CLO2 | Phân tích được đặc điểm cú pháp của câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ | PLO2, 3 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO4 | CLO3 | Phát triển được kĩ năng tư duy phê phán đối với những vấn đề lí luận và thực tiễn của ngữ pháp. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
| CO5 | CLO4 | Hình thành và phát triển được kĩ năng phân tích, miêu tả ngữ pháp với tư cách là bình diện được đặc trưng bởi cả mặt nội dung và hình thức. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
| CO6 | CLO5 | Phát triển được các kĩ năng độc lập nghiên cứu về ngữ pháp dựa vào lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
| CO7 | CLO6 | Phát triển kĩ năng thực hành ngữ pháp: phân tích, sử dụng các phương tiện ngữ pháp tiếng Việt nhằm nâng cao hiệu quả giao tiếp. | PLO2, 3,5,6,7,8,9 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO8 | CLO7 | Ý thức được về vai trò, tầm quan trọng của lý thuyết kết trị vào việc nghiên cứu câu tiếng Việt. | PLO10,11,12 |
| CO9 | CLO8 | Vận dụng được tri thức của môn học để nâng cao hiệu qủa giao tiếp và nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt | PLO10,11,12 |
| CO10 | CLO9 | Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến ngữ pháp tiếng Việt. | PLO10,11,12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes- PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO4 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO5 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO6 |  | x | X |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | X |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | X |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | X |
| **MĐG** | **0** | **2** | **2** | **0** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **1** | **1** | **1** |

**Ghi chú:“0”** = không đóng góp; **“1”** = Mức thấp (0-29% số CLOs đóng góp cho PLO); **“2”** = Mức trung bình (30-59% số CLOs đóng góp cho PLO); **“3”** = Mức cao (60-100% số CLOs đóng góp cho PLO).

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học giới thiệu cho người học những vấn đề cơ bản về các khuynh hướng nghiên cứu câu về ngữ pháp; Lý thuyết kết trị trong việc nghiên cứu câu; đặc điểm cú pháp của câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ. Qua đó, giúp người học ý thức được về vai trò, tầm quan trọng của Lý thuyết kết trị vào việc nghiên cứu câu tiếng Việt và biết vận dụng tri thức của môn học để nâng cao hiệu quả giao tiếp và nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 70% số giờ lên lớp, 100% giờ học trực tuyến (nếu có), đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên.

- Bài tập cá nhân, tiểu luận: Hoàn thành bài tập cá nhân, bài tiểu luận và nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành bài thảo luận nhóm; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành bài kiểm tra định kỳ.

**8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

**8.1. Hình thức và trọng số điểm**

- Đánh giá theo thang 10 điểm.

- Hình thức đánh giá:

A­1: Chuyên cần;

A2: Bài tập/thực hành/ thảo luận nhóm;

A3: Kiểm tra định kỳ;

A4: Thi kết thúc học phần.

- Đánh giá quá trình:

+ Trọng số điểm: 50% *(*Chuyên cần *10%;* Bài tập cá nhân/ thực hành; bài tiểu luận/ thảo luận nhóm *20%;*Bài kiểm tra định kỳ *20%).*

+ Hình thức:Phối hợp các hình thức đánh giá qua Bài tập cá nhân/nhóm; thực hành; tiểu luận; thuyết trình cá nhân/nhóm; Tự luận

- Thi kết thúc học phần:Trọng số điểm: 50%; Hình thức: *Tự luận;*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Hình thức | Trọng số điểm (%) | Số lượt đánh giá | CĐR của HP |
| Đánh giá quá trình (trọng số 50%) | | | | |
| 1 | Chuyên cần | 10 | 01 | CLO 1-9 |
| 2 | Bài tập cá nhân, tiểu luận, Thảo luận nhóm | 20 | 01 | CLO 1-9 |
| 3 | Bài kiểm tra định kì | 20 | Đáp án, thang điểm | CLO 1-9 |
| Thi kết thúc học phần | | | | |
|  | Tự luận | 50 | Đáp án, thang điểm |  |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

Rubric đánh giá chuyên cần

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Chuyên cần (5 %) | | | | | |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lý thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lý thuyết |

Rubric đánh giá bài tập cá nhân, tiểu luận

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %) | | | | | |
| Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao. | Nội dung sản phẩm đáp ứng 50 -64% yêu cầu được giao. | Nội dung sản phẩm đáp ứng 65 -79% yêu cầu được giao. | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao. |

Rubric đánh giá bài tập thảo luận nhóm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Bài tập cá nhân, tiểu luận (10 %) | | | | | |
| - Trình bày nội dung đầy đủ theo yêu cầu | 4,0 | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 3,0 | 3,0 đến 4,0 |
| Trình bày nội dung đáp ứng dưới 50% yêu cầu được giao. | Trình bày nội dung đáp ứng 50 -64% yêu cầu được giao. | Trình bày nội dung đáp ứng 65 -79% yêu cầu được giao. | Trình bày nội dung đáp ứng trên 80% yêu cầu được giao. |
| Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học và logic | 2,0 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến 2,0 |
| Trình bày báo cáo đáp ứng dưới 50% yêu cầu. | Trình bày báo cáo đáp ứng 50 -64% yêu cầu. | Trình bày báo cáo đáp ứng 65 -79% yêu cầu. | Trình bày báo cáo đáp ứng trên 80% yêu cầu. |
| Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng | 2,0 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến 2,0 |
| Trả lời câu hỏiđáp ứng dưới 50% yêu cầu. | Trả lời câu hỏiđáp ứng 50 -64% yêu cầu. | Trả lời câu hỏiđáp ứng 65 -79% yêu cầu. | Trả lời câu hỏiđáp ứng trên 80% yêu cầu. |
| Nhóm phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | 2,0 | 0 đến < 0,5 | 0,5 đến < 1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến 2,0 |
| Nhóm chưa phối hợp tốt, chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm có phối hợp và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời nhưng ở mức chưa cao | Nhómphối hợp tốt và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời. | Nhóm phối hợp rất tốt và chia sẻ, hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời. |

Bài kiểm tra định kì và thi kết thúc học phần được đánh giá theo theo đáp án, thang điểm của giảng viên.

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Diệp Quang Ban (2000), Ngữ pháp tiếng Việt, NXB Giáo dục

[2]. Đỗ Hữu Châu (chủ biên), Bùi Minh Toán, (2009), Đại cương về ngôn ngữ học, Tập I, NXB Giáo dục

[3]. Nguyễn Văn Lộc, (1995), Kết trị của động từ tiếng Việt, NXB Giáo dục

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[4]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, Thành phần câu tiếng Việt,(1998), NXB Giáo dục

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Các khuynh hướng khác nhau trong việc nghiên cứu câu về ngữ pháp** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp ( 9 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*( 5 tiết)***  1.1. Khuynh hướng truyền thống  1.1.1.Đặc điểm của khuynh hướng truyền thống  1.1.2. Những ưu điểm, hạn chế của cách phân tích câu theo ngữ pháp truyền thống  1.2. Khuynh hướng nghiên cứu câu theo cấu trúc cú pháp cơ bản  1.2.2. Khái niệm cấu trúc cú pháp cơ bản  1.2.3. Cách phân tích câu theo cấu trúc cú pháp cơ bản  1.2.4. Những hạn chế của cách phân tích câu theo cấu trúc cú pháp cơ bản  1.3. Khuynh hướng nghiên cứu câu theo ngữ pháp chức năng  1.3.2. Vài nét về ngữ pháp chức năng  1.3.3. Việc nghiên cứu câu theo ngữ pháp chức năng qua công trình của Cao Xuân Hạo  1.3.4. Những ưu điểm và hạn chế | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | A­1, A2 | [1], [2]  [3], [4]. |
| CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9 | **\* Nội dung bài tập: (2 tiết)**  1) Chỉ ra đặc điểm của cách phân tích câu theo khuynh hướng truyền thống.  2) Chỉ ra đặc điểm của cách phân tích câu theo cấu trúc cú pháp cơ bản. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | A­1,A2 |  |
| CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9 | **\* Nội dung seminar, thảo luận: (2 tiết)**  Đánh giá cách phân tích câu theo quan điểm truyền thống. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | A­1,A2 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**:***(15 tiết)***  - Đọc tài liệu những nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp.  - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Ôn tập nội dung đã học. | *Tự nghiên cứu* | A­1, A2 |  |
| **Chương 2:Lí thuyết kết trị và việc vận dụng vào việc nghiên cứu câu tiếng Việt** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp ( 10 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*( 6 tiết)***  2.1. Lí thuyết kết trị của L.Tesniere  2.1.1. Khái niệm kết trị, diễn tố, chu tố  2.1.2. Các kiểu kết trị  2.2. Sự phát triển của lí thuyết kết trị trong ngôn ngữ học các nước  2.2.1. Sự phát triển của lí thuyết kết trị trong ngôn ngữ học nước ngoài  2.2.2. Việc nghiên cứu kết trị trong Việt ngữ học  2.3. Một số vấn đề lí luận và thực tiễn của việc vận dụng lí thuyết kết trị vào việc phân tích câu  2.3.1. Vấn đề vận dụng lí thuyết kết trị vào việc phân tích câu trong ngôn ngữ học các nước  2.3.2. Vấn đề vận dụng lí thuyết kết trị vào việc nghiên cứu câu trong Việt ngữ học | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | A­1, A2 | [2]  [2],  [3], [4] |
| CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9 | **\* Nội dung bài tập ( 2 tiết)**  1) Trình bày khái niệm kết trị, diễn tố, chu tố.  2) Trình bày các kiểu kết trị. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | A­1,A2 |  |
| CLO1  CLO3  CLO4  CLO5  CLO7  CLO8  CLO9 | **\* Nội dung seminar, thảo luận: (2 tiết)**  Sự phát triển của lí thuyết kết trị trong ngôn ngữ học ở Việt Nam và nước ngoài. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | A­1,A2 |  |
|  | **B. Nội dung tự học**:***(15 tiết)***  - Đọc tài liệu những nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp.  - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Ôn tập nội dung đã học. | *Tự nghiên cứu* | A­1,A2 |  |
| **Chương 3: Đặc điểm cú pháp của câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO2  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp ( 20 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*( 9 tiết)***  3.1. Vị ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.1.1. Quan niệm truyền thống về vị ngữ  3.1.2. Bản chất cú pháp của vị ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.2. Chủ ngữ và bổ ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.2.1. Quan niệm truyền thống về chủ ngữ, bổ ngữ  3.2.2. Bản chất cú pháp của chủ ngữ, bổ ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.2.3. Phân biệt chủ ngữ với bổ ngữ dựa vào thuộc tính kết trị của vị từ  3.3. Trạng ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.3.1. Quan niệm truyền thống về trạng ngữ  3.3.2. Bản chất cú pháp của trạng ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.4. Khởi ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.4.1. Quan niệm truyền thống về khởi ngữ  3.4.2. Bản chất cú pháp của khởi ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.5. Hệ thống thành phần câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ  3.5.1. Quan niệm truyền thống về hệ thống thành phần câu  3.5.2. Các thành phần câu trong tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ | *- Thuyết trình*  *- Thảo luận nhóm*  *- Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)*  *- Dạy học dựa trên vấn đề* | A­1,A2 | [1]  [2],  [3], [4] |
| CLO2  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | **Bài kiểm tra (1 tiết)** |  | *A3* |  |
| CLO2  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | **\* Nội dung bài tập, thực hành: ( 8 tiết)**  1) Chỉ ra bản chất cú pháp của vị ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ.  2) Chỉ ra bản chất cú pháp của chủ ngữ và bổ ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ.  3) Chỉ ra bản chất cú pháp của trạng ngữ và khởi ngữ nhìn từ góc độ kết trị của từ.  4) Vận dụng lí thuyết kết trị để phân tích câu tiếng Việt. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | A­1,A2 |  |
| CLO2  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8  CLO9 | **\* Nội dung seminar, thảo luận: (2 tiết)**  Xác định các thành phần câu tiếng Việt nhìn từ góc độ kết trị của từ. | *Báo cáo/bài tập lớn (cá nhân hoặc nhóm)* | A­1,A2 |  |
|  | **B. Nội dung tự học: *(31 tiết)***  - Đọc tài liệu những nội dung được giảng viên giao trước khi đến lớp.  - Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.  - Ôn tập nội dung đã học. | *Tự nghiên cứu* | A­1,A2 |  |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: đảm bảo ánh sáng, sạch sẽ, mát mẻ về mùa hè.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Bảng, máy chiếu tốt.

9.9. **ĐỀ C­ƯƠNG HỌC PHẦN**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN HỌC PHẦN: | **ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA DÂN TỘC CỦA NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY** |
|  | (**CULTURAL AND NATIONAL CHARACTERISTICS OF LANGUAGE AND THOUGHT**) |
| MÃ HỌC PHẦN: | **CNL621** |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 02; Tổng số giờ quy chuẩn: 30

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ tín chỉ | Số giờ thực hiện trên lớp | | Số giờ tự học |
| Trực tiếp | Trực tuyến |
| 1 | Lí thuyết | 13 | 6 | 29 |
| 2 | Bài tập | 4 | 2 | 32 |
| 3 | Thực hành | 4 | 3 |
| 4 | Thảo luận | 5 | 0 |
| 5 | Thực tế chuyên môn | 0 | 0 |
| 6 | Kiểm tra, đánh giá | 02 |  |  |
| Tổng | | 28 | 11 | 61 |

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt:🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Lê Thị Hương Giang | 0989090076 | [gianglth@tnue.edu.vn](mailto:gianglth@tnue.edu.vn) |
|  | PGS. TS Hà Quang Năng | 0944040808 | nanghaquang@gmail.com |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

*\* Về kiến thức*

CO1. Bồi dưỡng, nâng caokiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học đại cương, tâm lí ngôn ngữ học, văn hoá học và các phương pháp, thủ pháp thích hợp để vận dụng vào nghiên cứu đặc trưng văn hoá dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở một dân tộc cụ thể hoặc đối chiếu các dân tộc với nhau.

CO2. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp

*\* Về kĩ năng*

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện,năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

*\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức chuyên sâu về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa và đặc trưng dân tộc của tư duy ngôn ngữ trong sự tri giác, phạm trù hóa hiện thực qua hiện tượng biến thể đồng nghĩa tên gọi. | PLO1,2,3,7 |
| CLO2 | Phân tích được đặc trưng văn hóa dân tộc của định danh ngôn ngữ cũng như của tư duy ngôn ngữ Việt. | PLO1,2,3,7,8 |
| CO2 | CLO3 | Áp dụng được kiến thức chuyên sâu của học phần để định hướng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy. | PLO1,2,3,7,8 |
| CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn (tiến sĩ). | PLO1,2,3,5,6,7,8,10 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CLO5 | Áp dụng được tri thức chuyên sâu của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung liên quan đến ngôn ngữ và tư duy, đến đặc trưng văn hóa tộc người. | PLO5,6,7,8,9,12 |
| CO4 | CLO6 | Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn sâu về ngôn ngữ và tư duy trong biểu hiện đặc trưng văn hóa. | PLO6,7,8,9,10,11,12 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin, sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu sự phạm trù hóa và định danh thế giới khách quan, của ngữ nghĩa và tư duy ngôn ngữ ở người Việt. | PLO8,9 |
|  | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO8 | Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp của học phần trong giảng dạy những nội dung có liên quan đến đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy;. | PLO5,10,11,12 |
| CLO9 | Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề về định danh ngôn ngữ, về đặc điểm tư duy liên tưởng của người Việt | PLO5,10,11,12 |
| CLO10 | Ý thức được về vai trò, tầm quan trọng của ngôn ngữ trong việc thể hiện đặc trưng văn hóa dân tộc. | PLO5,9,10,11,12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| CLO2 | x | x | X |  |  |  | x | x |  |  |  |  |
| CLO3 |  | x | X |  |  |  | x | x |  |  |  |  |
| CLO4 |  | x | X |  | x | x | x | x |  | x |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  | x | x | x | x | x |  |  | x |
| CLO6 |  |  |  |  |  | x | x | x |  | x | x | x |
| CLO7 |  |  |  | x |  |  |  | x | x |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  | x |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 |  |  |  |  | x |  |  |  | x | x | x | x |
| **MĐG** | **2** | **3** | **3** | **1** | **3** | **2** | **3** | **3** | **3** | **3** | **3** | **3** |

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Học phần cung cấp cho học viên một hệ vấn đề về lí thuyết và phương pháp nghiên cứu tâm lí ngôn ngữ học tộc người trong lĩnh vực đặc trưng văn hoá - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy, gồm các vấn đề: đặc trưng dân tộc của văn hoá nói chung, văn hoá Việt Nam nói riêng và sự phản chiếu trong các ngôn ngữ nói chung,trong tiếng Việt nói riêng, trên các bình diện: “Sự phạm trù hoá hiện thực”, Đặc điểm của định danh ngôn ngữ, Tư duy liên tưởng của người Việt.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Đi học đúng giờ, đảm bảo dự tối thiểu 80% số giờ lên lớp lí thuyết, 100% giờ thực hành; chuẩn bị cho bài học*: Đọc tài liệu học tập theo hướng dẫn trước khi đến lớp học,...*

- Bài tập, tiểu luận: Hoàn thành 01 bài tập nhóm nộp sản phẩm đúng hạn cho giảng viên.

- Seminar: Hoàn thành 01 bài seminar cá nhân theo nội dung yêu cầu ở chương 2 và 01 bài seminar nhóm ở chương 4; nộp sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên; trình bày báo cáo trước nhóm/lớp.

- Hoàn thành 01 bài kiểm tra định kì.

- Các nhiệm vụ/sản phẩm tự học cần nộp.

- Các yêu cầu khác (nếu có)

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

**8.1. Hình thức đánh giá của học phần (A) và trọng số điểm**

*- Sử dụng thang 10 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hình thức** | **Trọng số điểm (%)** | **Số lượt đánh giá** | **Tiêu chí đánh giá** | **CĐR của HP** |
| **Đánh giá quá trình (trọng số 50%)** | | | | | |
| 1 | A1. Chuyên cần | 10% | 01 | Rubric đánh giá chuyên cần | CLO  1-10 |
| 2 | A2. Bài tập nhóm | 20% | 01 | Rubric đánh giá bài tập nhóm | CLO  3,5,6,10 |
| 3 | A3. Bài kiểm tra định kì | 20% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO  1,2,3,9,10 |
| **Thi kết thúc học phần** | | | | | |
| 4 | A4. Tự luận | 50% | 01 | Đáp án, thang điểm | CLO  1-10 |

**8.2. Tiêu chí đánh giá và thang điểm (Rubric đánh giá)**

**Rubric đánh giá chuyên cần (A1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên cần** | | | | | |
| Tiêu chí | Thang điểm | Không đạt  0-49% | Đạt  50-64% | Khá  65-79% | Tốt  80-100% |
| Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Chủ động thực hiện, đáp ứng dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao. | Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học  Thực hiện đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao. |
| Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | 5,0 | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Dự < 80% số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 80%- 89%số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 90% - 94% số giờ lên lớp lí thuyết | Dự 95% -100% số giờ lên lớp lí thuyết |

**Rubric đánh giá bài tập nhóm (A2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài tập cá nhân** | | | | | |
| **Tiêu chí** | **Thang điểm** | **Không đạt**  **0-49%** | **Đạt**  **50-64%** | **Khá**  **65-79%** | **Tốt**  **80-100%** |
| **Báo cáo của nhóm trưởng**  (Thời gian, thái độ tham gia họp nhóm, ý kiến đóng góp, mức độ hoàn thành nhiệm vụ) | **5,0** | 0 đến < 2,5 | 2,5 đến < 3,3 | 3,3 đến < 4,0 | 4,0 đến 5,0 |
| Tham gia họp nhóm ít (dưới 50%); không bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành dưới 50% nhiệm vụ học tập được giao;  nộp sản phẩm không đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 50% trở lên; chủ động bày tỏ ý kiến đóng góp; hoàn thành 50 -64% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 70% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp hay, hiệu quả;  Chủ động thực hiện, đạt 65 -79% nhiệm vụ học tập được giao; nộp sản phẩm đúng hạn. | Tham gia họp nhóm đạt từ 90% trở lên; có nhiều ý kiến đóng góp sáng tạo; Chủ động thực hiện nhiệm vụ, đạt trên 80% nhiệm vụ học tập được giao, nộp sản phẩm đúng hạn. |
| Nội dung sản phẩm báo cáo trên lớp đáp ứng yêu cầu | **3,0** | 0 đến < 1,0 | 1,0 đến < 2,0 | 2,0 đến < 2,5 | 2,5 đến 3,0 |
| Nội dung sản phẩm đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 50 - 64% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng từ 65-79% yêu cầu | Nội dung sản phẩm đáp ứng trên 80%yêu cầu |
| Hình thức sáng tạo | **2,0** | 0 đến <1,0 | 1,0 đến < 1,5 | 1,5 đến < 2,0 | 2,0 |
| Chưa sáng tạo, có hình thức phù hợp với nội dung | Có ý tưởng nhưng hình thức còn đơn giản | Có ý tưởng sáng tạo, hình thức phù hợp, hiệu quả | Có ý tưởng mới mẻ, sáng tạo, hình thức đa dạng, hấp dẫn |

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với những dân tộc khác),* Nxb Đại học Quốc gia, H.

[2]. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, *Cái nhìn hệ thống – loại hình*, Nxb Tổng hợp, Tp. Hồ Chí Minh.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[3]. Nguyễn Văn Dân (2006)*, Văn hóa và phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa,* Nxb Khoa học xã hội.

[4]. Lado Robert (2003), *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia, H

[5]. Nguyễn Đức Tồn (2003), *Mấy vấn đề lí luận và phương pháp dạy- học từ ngữ tiếng Việt trong nhà trường,* Nxb Đại học Quốc gia.

[6]. Trần Đức Thảo (1996), *Tìm cội nguồn của ngôn ngữ và ý thức*, Nxb Văn hoá thông tin,H.

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương 1: Khái quát về văn hóa và phương pháp nghiên cứu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy** | | | | |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Hình thức/**  **phương pháp** | | **Học liệu** |
| **Dạy học** | **Đánh giá** |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (8 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(5 tiết)***  1.1. Khái quát về văn hóa  1.1.1. Khái niệm “văn hoá”  1.1.2.Các đặc trưng cơ bản của văn hoá  1.1.3.Các thành tố của văn hoá  1.1.4. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa  1.1.5. Khái niệm “văn hoá cục bộ”  1.2. Phương pháp nghiên cứu đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [1]  [2]  [3] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập: *(1 tiết)***  1. Phân tích đặc điểm của văn hóa cục bộ.  2. Phân tích mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(1 tiết)***  1. Các thành tố của văn hóa.  2. Dùng phương pháp xác lập ô trống để chỉ ra đặc trưng văn hóa - dân tộc của người Việt (người Kinh) so với dân tộc khác qua một số từ chỉ phong tục tang ma*.* | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(1 tiết)***  1. Chứng minh nhận định: “Tính nhân sinh cho phép phân biệt văn hóa như một hiện tượng xã hội (do con người sáng tạo) với các giá trị tự nhiên (thiên tạo)  2. Dùng phương pháp đối chiếu và xác lập ô trống để chỉ ra đặc trưng văn hóa dân tộc giữa người Việt và người Anh, hoặc người Nga, người Pháp…qua một số từ chỉ văn hóa ẩm thực | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [1]  [2]  [3] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(16 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 1.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| **Chương 2: Đặctrưng văn hoá dân tộc của định danh ngôn ngữ** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(5 tiết)***  2.1. Định danh ngôn ngữ và đặc trưng văn hóa dân tộc của định danh ngôn ngữ  2.2. Đặc trưng văn hóa dân tộc của định danh ngôn ngữ qua một số trường và nhóm từ vựng – ngữ nghĩa | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [1]  [2]  [3] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập: (2 tiết)**  Phân tích đặc điểm phạm trù hóa hiện thực khách quan được phản ánh qua một nhóm từ vựng tiếng Việt. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(2 tiết)***  1. Tại sao nói: Đặc điểm dân tộc của định danh ngôn ngữ được thể hiện ở việc quy loại khái niệm của đối tượng được định danh?  2. Làm rõ hai loại lí do (lí do khách quan và lí do chủ quan) trong định danh ngôn ngữ? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(2 tiết)***  Sự phản ánh đặc trưng văn hóa dân tộc trong định danh ngôn ngữ? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [1]  [2]  [3] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(16 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 2.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| **Chương 3: Đặc trưng văn hóa - dân tộc của ý nghĩa từ** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (11 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(4 tiết)***  3.1. Khái niệm ý nghĩa từ và cấu trúc ý nghĩa của từ  3.2. Sự phản ánh đặc trưng dân tộc của văn hoá trong ý nghĩa của từ  3.3. Sự phản ánh đặc trưng dân tộc của văn hoá trong hiện tượng đồng nghĩa  3.4. Đặc trưng văn hoá dân tộc trong sự chuyển nghĩa  3.5. Đặc trưng văn hoá dân tộc trong cách sử dụng biểu trưng các sự vật.  3.6.Cấu trúc ngữ nghĩa của trư­ờng từ vựng và sự phản ánh đặc điểm tri nhận thế giới khách quan của ngư­ời bản ngữ  **\* Kiểm tra: *(2 tiết)*** | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [1]  [2]  [3] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập*: (2 tiết)***  Phân tích đặc trưng văn hóa dân tộc trong sự chuyển nghĩa và nghĩa biểu trưng? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| CLO6 | **\* Nội dung seminar/thảo luận: *(1 tiết)***  1. Tại sao ý nghĩa của từ lại phản ánh các đặc trưng văn hóa - dân tộc?  2. Đặc trưng văn hóa -dân tộc được phản ánh trên những phương diện nào của tiếng Việt? | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(2 tiết)***  Làm rõ đặc trưng văn hóa -dân tộc được thể hiện qua các từ đồng nghĩa trong tiếng Việt. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [1]  [2]  [3] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(15 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 3.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [1]  [2]  [3] |
| **Chương 4: Đặc trưng văn hoá dân tộc của tư duy ngôn ngữ** | | | | |
| CLO1  CLO2  CLO3 | **A. Nội dung thực hiện trên lớp (9 tiết)**  **\* Nội dung lí thuyết:*(5 tiết)***  4.1.Khái niệm về tư duy và các loại hình tư duy  4.2. Khái niệm “Đặc trưng văn hoá dân tộc của tư duy”  4.3. Những đặc điểm cơ bản của tư duy ngôn ngữ người Việt trong sự so sánh với một số dân tộc khác  4.4. Bản chất của quy luật chuyển nghĩa ẩn dụ là kiểu tư duy phạm trù.  4.5. Bản chất của quy luật chuyển nghĩa hoán dụ là kiểu tư­ duy liên hợp, cảm giác, hành động - trực quan  4.6. Đặc trưng văn hóa - dân tộc của tư duy người Việt qua ẩn dụ tri nhận trong thành ngữ. | *- Thuyết trình kết hợp với trình chiếu.*  *- Thảo luận nhóm*  *- Dạy học dựa trên vấn đề*  *- Sử dụng video tư liệu*  *- Thực hành* | *A1*  *A2*  *A3*  *A4* | [1]  [2]  [3]  [4] |
| CLO3  CLO5 | **\* Nội dung bài tập*: (1 tiết)***  Phân tích mối quan hệ giữa ẩn dụ từ vựng, ẩn dụ tu từ và ẩn dụ tri nhận qua nhóm từ đồng nghĩa với từ “chết”/ “đi” | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [4] |
| CLO6 | ***\* Nội dung seminar/thảo luận: (1 tiết)***  1. Đặc trưng văn hóa-dân tộc được phản ánh như thế nào trong tư duy của mỗi dân tộc?  2. Ẩn dụ, hoán dụ có mối quan hệ như thế nào với các kiểu loại phương thức tư duy***?*** | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [4] |
| CLO7  CLO8 | **\* Nội dung thực hành: *(2 tiết)***  Chỉ ra đặc trưng tư duy mang đặc điểm thực vật và sông nước của người Việt qua một số nhóm từ hoặc thành ngữ. | *- Thảo luận nhóm*  *- Thực hành* | *A1*  *A2* | [1]  [2]  [3]  [4] |
| CLO4  CLO9  CLO10 | **B. Nội dung tự học: *(14 tiết)***  - Đọc tài liệu liên quan đến Chương 4.  - Làm bài tập  - Chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. | *- Sổ ghi chép*  *- Vở bài tập*  *- Phiếu ghi ý kiến thảo luận của từng cá nhân đóng góp cho nhóm.* | *A1* | [1]  [2]  [3]  [4] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học: có kết nối máy chiếu, bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

9.10. **ĐỀ CƯƠNG CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CHUYÊN ĐỀ: | **NGÔN NGỮ TRONG HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THÔNG** |
|  | (**LANGUAGE IN THE MEDIA**) |
| MÃ CHUYÊN ĐỀ: | **VLC631** |

**1. Thông tin về chuyên đề**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ | Số giờ |
| 1 | Lý thuyết | 8 (4:trực tiếp, trực tuyến: 4) |
| 2 | Thực hành | 74 |
| 3 | Thảo luận | 0 |
| 4 | Tự học | 68 |
| **Tổng** | | **150** |

- Phân bố thời gian:

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt:🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Lê Thị Hương Giang | 0989090076 | [gianglth@tnue.edu.vn](mailto:gianglth@tnue.edu.vn) |
|  | NCS. Nguyễn Diệu Thương | 0948210155 | [thuongnd@tnue.edu.vn](mailto:thuongnd@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của chuyên đề (CO)**

*\* Về kiến thức*

CO1. Bồi dưỡng, nâng caokiến thức về giao tiếp, truyền thông, các phương tiện truyền thông; về ngôn ngữ trên các phương tiện truyền thông báo chí, mạng xã hội và giải pháp sử dụng ngôn ngữ truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng ở Việt Nam.

CO2. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp

*\* Về kĩ năng*

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện,năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu ngôn ngữ truyền thông.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

*\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của chuyên đề (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức chuyên sâu về truyền thông, về các phương tiện truyền thông | PLO1,2,3 |
| CLO2 | Phân tích được ưu nhược điểm của một số phương tiện truyền thông ở Việt Nam | PLO1,2,3,5,8 |
| CO2 | CLO3 | Áp dụng được kiến thức chuyên sâu của học phần để định hướng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông | PLO1,2,3,7,8, |
| CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn (tiến sĩ). | PLO1,2,3, 5,6,7,8,9,10 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CLO5 | Áp dụng được tri thức chuyên sâu của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung liên quan đến ngôn ngữ truyền thông. | PLO5, 7,8,9,11,12 |
| CO4 | CLO6 | Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn sâu về ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông | PLO6,8,9,10,11 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin, sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu thực trạng và những giải pháp vềngôn ngư trong hoạt động truyền thông hiện nay | PLO4,8 |
|  | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO8 | Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp của học phần trong giảng dạy những nội dung có liên quan đến ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông | PLO7,8,10,11,12 |
| CLO9 | Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề vềứng dụng kiến thức ngôn ngữ trong tiếp nhận, tạo lập ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông. | PLO9,10,11,12 |
| CLO10 | Ý thức được về vai trò, tầm quan trọng của tính đại chúng, sự trong sáng của tiếng Việt trong hoạt động truyền thông. | PLO8,9,10,11,12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của chuyên đề cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | x | x | X |  | x |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO3 | x | x | X |  |  |  | x | x |  |  |  |  |
| CLO4 | x | x | X |  | x | x | x | x | x | x |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  | x |  | x | x |  | x | x | x |
| CLO6 |  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |  |
| CLO7 |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  | x | x |  | x | x | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x | x |
| CLO10 |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x | x | x |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **1** | **2** | **2** | **3** | **3** | **2** | **2** | **2** | **2** |

**6. Nội dung tóm tắt của chuyên đề**

Chuyên đề nhằm trang bị những kiến thức về truyền thông và ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông bằng tiếng Việt trên các phương tiện truyền thông ở Việt Nam. Môn học hướng tới rèn luyện kĩ năng tiếp nhận các sản phẩm ngôn ngữ trên các phương tiện truyền thông ở Việt Namvà định hướng giải pháp sử dụng ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Dự đầy đủ giờ giảng;Nghiên cứu tài liệu học tập và thực hiện các yêu cầucủa giảng viên.

- Hoàn thành và nộp báo cáo chuyên đề (theo quy định).

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

Điểm chuyên đề được đánh giá bằng hình thức chấm Báo cáo chuyên đề.

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1].Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng,* NXBChính trị Quốc gia, HN.

[2]. Vũ Quang Hào (2012), *Ngôn ngữ báo chí*, NXB Thông tấn, HN.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[3]. Nguyễn Thị Thu Hường (2016), “Thời đại của các phương tiện truyền thông mới”, *Tạp chí Lí luận chính trị và Truyền thông* Số tháng 10 năm 2016.

[4]. Trịnh Thị Cẩm Lan (2014), *Thái độ ngôn ngữ đối với những hiện tượng biến đổi trong tiếng Việt trên mạng Internet hiện nay, Tạp chí Khoa học,* Đại học Quốc gia Hà Nội: Khoa học xã hội và Nhân văn, tập 30, số 3 (năm 2014), tr 28 -38*.*2.

**10. Nội dung chi tiết của chuyên đề**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR**  **của HP** | **Nội dung** | **Học liệu** |
| CLO 1  CLO 2  CLO 3 | **\* Nội dung giảng dạy lí thuyết:**  ( 4 tiết trực tiếp; 4 tiết online)  1.1. Một số vấn đề lý thuyết truyền thông  *1.1.1. Giao tiếp*  *1.1.2. Thông tin*  *1.1.3. Truyền thông- hoạt động giao tiếp cộng đồng*  1.2. Ngôn ngữ truyền thông và phương tiện truyền thông  *1.2.1. Ngôn ngữ truyền thông*  *1.2.1.1. Ngôn ngữ văn tự*  *1.2.1.2. Ngôn ngữ phi văn tự*  1.3. Hình thứctruyền thông  *1.3.1. Hình thứctruyền thông cá nhân*  *(điện thoại, tin nhắn, email)*  *1.3.2. Hình thứctruyền thông đại chúng (báo hình, phát thanh, báo in, báo mạng, bảng hiệu, tờ rơi, catalog, brochure)*  *1.3.3. Hình thứctruyền thông mạng xã hội*  2.1. Thực trạng, giải pháp vấn đề ngôn ngữ truyền thông trên mạng xã hội  *2.1.1. Thực trạng sử dụng ngôn ngữ trên mạng xã hội*  *2.1.2. Giải pháp sử dụng ngôn ngữ trên mạng xã hội*  *2.1.3. Một số vấn đề ngôn ngữ trên các kênh truyền thông đại chúng*  2.2. Thực trạng, giải pháp sử dụng ngôn ngữ trên các phương tiện truyền thông đại chúng  *2.2.1. Thực trạng sử dụng ngôn ngữ trên các kênh truyền thông đại chúng*  *2.2.2. Giải pháp sử dụng ngôn ngữ trên các kênh truyền thông đại chúng.* | [1], [2], [3] |
| CLO3-10 | **\* Nội dung thực hành** (**74** tiết)  1. Phân tích ưu nhược điểm của một số phương tiện truyền thông ở Việt Nam.  2.Chứng minh vai trò của truyền thông trong việc xây dựng xã hội học tập.  3. Phân tích vai trò của ngôn ngữ văn tự, ngôn ngữ phi văn tự trong hoạt động truyền thông.  4. Phân tích đặc điểm ngôn ngữ truyền thông trên các kênh truyền thông mạng xã hội, báo chí.  5. Khảo sát thực trạng sử dụng ngôn ngữ trên các phương tiện truyền thông trên mạng xã hội và báo chí hiện nay.  6. Các giải pháp của việc sử dụng tiếng Việt trong truyền thông hiện nay ở Việt Nam. | [1], [2], [3] |
| CLO 1-10 | **\* Nội dung tự học:**(**68** tiết)  1. Các yếu tố cơ bản của quá trình truyền thông.  2. Một số phương diện ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông.  3. Vai trò của ngôn ngữ văn tự, ngôn ngữ phi văn tự trong hoạt động truyền thông. | [1], [2], [3] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với chuyên đề**

- Phòng học: có kết nối máy chiếu, bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

9.11. **ĐỀ C­ƯƠNG CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHUYÊN ĐỀ:** | **VẬN DỤNG TRI THỨC NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VÀO VIỆC DẠY HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ**  **Applying linguistic and cultural knowledge in teaching Vietnamses as a foreign language** |
| **MÃ CHUYÊN ĐỀ:** | **VLC632** |

**1. Thông tin học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ | Số giờ |
| 1 | Lí thuyết | 8 (4: trực tiếp, 4: trực tuyến) |
| 2 | Thực hành | 74 |
| 3 | Thảo luận | 0 |
| 4 | Tự học | 68 |
| **Tổng** | | **150** |

- Loại học phần: Chuyên đề

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Ngôn ngữ trong hoạt động truyền thông

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🞏(🗹)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về các giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Nguyễn Thị Hạnh Phương | 0914.435.676 | [phuongnth@tnue.edu.vn](mailto:phuongnth@tnue.edu.vn) |
|  | TS. Nguyễn Thu Quỳnh | 0975.459.119 | [quynhn@tnue.edu.vn](mailto:quynhn@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

*\* Về kiến thức*

**CO1.**Hiểu và lí giải đượchệ thống các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và văn hóa cũng như việc ứng dụng những tri thức này trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ

**CO2.**Vận dụng được kiến thức của học phần để có những định hướng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề liên quan đến tri thức tiếng Việt và văn hóa Việt Nam trong việc dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ và tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

*\* Về kĩ năng*

**CO3.**Áp dụng được tri thức của học phần để thiết kế các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ

**CO4.**Sử dụng linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

**CO5**. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng thuyết trình, công nghệ thông tintrong hoạt động giảng dạy, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, trong hoạt động chuyên môn.

*\* Về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm*

**CO6.** Thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp trong môn học để giáo dục người học biết yêu quý ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam; thể hiện thái độ đúng đắn trong sử dụng tiếng Việt, từ đó hình thành và phát triển những giá trị nhân văn ở người học.

**CO7.** Có năng lực làm việc độc lập và hợp tác nhóm, thể hiện quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết của chuyên môn và thực tế giáo dục, có tư duy phản biện xã hội và lan tỏa những điều tốt đẹp.

**4. Chuẩn đầu ra của chuyên đề (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu HP** | **CĐR của HP** | **Nội dung CĐR của học phần** | **CĐR của CTĐT** |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức cơ bản như: một số khái niệm và thuật ngữ liên quan; các vấn đề về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam | PLO1,2,3,11,12 |
| CLO2 | Làm rõ đặc điểm của các đơn vị tiếng Việt trong so sánh với một thứ tiếng khác; nhận diện những tri thức văn hóa Việt Nam cần yếu để xây dựng nội dung dạy học. | PLO3,8,11 |
| CLO3 | Áp dụng được kiến thức của học phần để định hướng nghiên cứu và giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. | PLO3,11 |
| CO2 CO3 | CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ). | PLO4,5,12 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO4 | CLO5 | Áp dụng được tri thức của học phần để thiết kế các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung liên quan dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ | PLO3,5,6,8,10,11,12 |
| CO5 | CLO6 | Thể hiện được các bài thuyết trình, thảo luận một cách thuyết phục; đề xuất được các hoạt động tư vấn hiệu quả trong giáo dục và hướng nghiệp dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ. | PLO3,4,5,7,10,11,12 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy, giáo dục tiếng Việt như mọt ngoại ngữ. | PLO8,11 |
| CLO8 | Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, trong hoạt động chuyên môn. | PLO4,7,9 |
| CO4 | CLO9 | Xây dựng được kế hoạch chuyên môn của các bài học về tiếng Việt như một ngoại ngữ; phát triển được chương trình và các hoạt động chuyên môn phù hợp với thực tiễn giáo dục trong môi trường đa văn hóa. | PLO3,5,10,11 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO6 CO7 | CLO10 | Bảo vệ được các giá trị của tiếng Việt; hợp tác được trong các tình huống thực tế; thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết; chia sẻ được những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh. | PL3,7, |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |
| --- |
| CLOs |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | x |  |  |  |  |  |  |  | x | x |
| CLO2 |  |  | x |  |  |  |  | x |  |  | x |  |
| CLO3 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |
| CLO4 |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  | x |
| CLO5 |  |  | x |  | x | x |  | x |  | x | x | x |
| CLO6 |  |  | x | x | x |  | x |  |  | x | x | x |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |
| CLO8 |  |  |  | x |  |  | x |  | x |  |  |  |
| CLO9 |  |  | x |  | x |  |  |  |  | x | x |  |
| CLO10 |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| **MĐG** | **1** | **1** | **3** | **2** | **2** | **1** | **2** | **2** | **1** | **2** | **3** | **2** |

**6. Nội dung tóm tắt của chuyên đề**

Chuyên đề dựa trên cơ sở những kiến thức cơ bản về tiếng Việt và văn hóa Việt Nam để thiết kế, xây dựng các mô hình tích hợp văn hóa trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Dự đầy đủ giờ giảng theo quy định. Nghiên cứu tài liệu học tập và thực hiện các yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành và nộp báo cáo chuyên đề (theo quy định)

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

Điểm chuyên đề được đánh giá bằng hình thức chấm Báo cáo chuyên đề.

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Đoàn Thiện Thuật (2004), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb ĐHQG, H.

[2]. Đỗ Hữu Châu (1997), Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, Nxb Giáo dục

[3]. Nguyễn Văn Lộc (chủ biên), Nguyễn Mạnh Tiến (2017), Ngữ pháp tiếng Việt, Nxb Giáo dục Việt Nam

[4]. Trần Ngọc Thêm (1999), Cơ sở văn hóa Việt Nam, Nxb Giáo dục

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[5]. Cao Xuân Hạo (2007), *Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, H.

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CLOs** | **Nội dung** | **Học liệu** |
|
| CLO1- CLO10 | **\* Nội dung giảng dạy lí thuyết**  (4 tiết trực tiếp, 4 tiết trực tuyến)  **1. Cơ sở lí thuyết về ngôn ngữ và văn hóa**  1.1. Khái quát về tiếng Việt  1.2. Khái quát về văn hóa Việt Nam  **2. Vận dụng tri thức văn hóa trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ**  2.1. Tiếng Việt với nền văn minh nông nghiệp  2.2. Tiếng Việt và sự đa dạng văn hóa  2.3. Tiếng Việt và nền văn học viết Việt Nam  2.4. Tiếng Việt và sự giao lưu văn hóa  **3. Các mô hình tích hợp văn hóa trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ**  3.1. Mô hình tích hợp văn hóa trong dạy học kĩ năng Nghe  3.2. Mô hình tích hợp văn hóa trong dạy học kĩ năng Nói  3.3. Mô hình tích hợp văn hóa trong dạy học kĩ năng Đọc  3.4. Mô hình tích hợp văn hóa trong dạy học kĩ năng Viết | [1]-[5] |
| CLO1- CLO10 | **\* Nội dung thực hành (74 tiết)**  1. Phân tích đặc điểm loại hình tiếng Việt. Chỉ ra điểm khác biệt về loại hình giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Lấy ví dụ minh họa.  2. Phân tích đặc trưng văn hóa Việt Nam. Lấy ví dụ trong tiếng Việt để chứng minh ngôn ngữ mang đặc trưng văn hóa. Tìm trong kho từ vựng tiếng Việt những ngữ cố định thể hiện rõ nét dấu ấn văn hóa của người Việt.  3. Màu sắc của sự giao lưu văn hóa Việt Hán và Ấn-Âu được thể hiện như thế nào? Cho ví dụ.  4. Dạy kĩ năng Đọc- Viết; Nói- Nghe tiếng Việt cho người nước ngoài theo hướng tích hợp văn hóa  5. Kể tên các hình thức tổ chức hoạt động học tập có tích hợp văn hóa cho người nước ngoài và lí giải tính chất văn hóa chứa đựng trong đó.  6. Thiết kế 1 hoạt động học tập tích hợp văn hóa trong dạy học kĩ năng Nghe- Nói hoặc Đọc- Viết | [1]-[5] |
| CLO1- CLO10 | **\* Nội dung tự học (68 tiết)**  1. Tiếng Việt, nguồn gốc và loại hình của tiếng Việt  2. Cơ sở văn hóa Việt Nam và dấu ấn của văn hóa Việt Nam trong tiếng Việt.  3. Phương pháp dạy học tiếng Việt nói chung và dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ nói riêng. | [1]-[5] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, thực hành: đảm bảo yêu cầu về bàn ghế, ánh sáng, quạt trần,…

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, loa mic, bảng tương tác

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

9.12. **ĐỀ C­ƯƠNG CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CHUYÊN ĐỀ: | VẬN DỤNG TRI THỨC PHONG CÁCH HỌC TRONG PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG |
|  | APPLYING STYLISTIC KNOWLEDGE IN THE ANALYSING LITERARY WORKS TAUGHT AT SCHOOLS |
| MÃ HỌC PHẦN: | VLC633 |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ | Số giờ |
| 1 | Lý thuyết | 8 (4:trực tiếp; trực tuyến: 4) |
| 2 | Thực hành | 74 |
| 3 | Thảo luận | 0 |
| 4 | Tự học | 68 |
| **Tổng** | | **150** |

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🞏(🗹) Tiếng Anh: 🞏 (🗹)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Lê Thị Hương Giang | 0989090076 | [gianglth@tnue.edu.vn](mailto:gianglth@tnue.edu.vn) |
|  | NCS. Nguyễn Hồng Linh | 0374680364 | [linhnh@tnue.edu.vn](mailto:linhnh@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

*\* Về kiến thức*

**CO1.**Hiểu và lí giải đượchệ thống các kiến thức chuyên sâuvề phong cách học như các khái niệm cơ bản, các phương pháp phân tích tu từ học, các giá trị của các phương tiện ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp và trong sáng tác văn chương.

**CO2.**Vận dụng được kiến thức của học phần để có những định hướng nghiên cứu và giảng dạy chuyên sâu các vấn đề liên quan đến phong cách học, đến việc xác định và bình giá các giá trị của các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng trong các tác phẩm văn học ở chương trình phổ thông cũng như trong việc tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

*\* Về kĩ năng*

**CO3.**Áp dụng được tri thức của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến phân tích tác phẩm văn học nói chung, đến kĩ năng bình giá các giá trị của các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.

**CO4.**Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng giảng dạy các tác phẩm văn chương.

*\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

**CO5.** Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp trong môn học để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trong công việc của bản thân; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc tri thức phong cách học cũng như nâng cao khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức chuyên sâu về phong cách học; về các phương pháp phân tích tu từ học. | PLO1,2,3,5,6,8 |
| CLO2 | Phân tích được đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu phong cách học, về các khái niệm cơ bản của phong cách học. | PLO1,2,3,5,6 |
| CO2 | CLO3 | Áp dụng được kiến thức chuyên sâu của học phần để định hướng nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về phong cách học ở phổ thông. | PLO1,2,3,5,6,8,9 |
| CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn (tiến sĩ). | PLO1,2,3,5,6 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CLO5 | Áp dụng được tri thức chuyên sâu của học phần để phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm đối với các nội dung liên quan đến phong cách học. | PLO5,7,8,12 |
| CO4 | CLO6 | Phát triển được năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên môn sâu về phong cách học tiếng Việt để giải quyết các vấn đề thực tiễn như cách xác định và bình giá các giá trị của các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản cũng như nâng cao khả năng diễn đạt, khả năng lựa chọn các phương tiện ngôn ngữ trong giao tiếp. | PLO6,7,8,9,10 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng tri thức về phong cách học trong giảng dạy cũng như trong đời sống. | PLO2,3,7,9 |
| CLO8 | Sử dụng được tiếng Anh trong hoạt động chuyên môn | PLO4 |
|  | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO9 | Cókhả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp của học phần trong giảng dạy những nội dung có liên quan đến phân tích các văn bản văn học ở trường phổ thông; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc tri thức phong cách học. | PLO2,3,7,9,10, 11, 12 |
| CLO10 | Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề ngiệp, có ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong bảo tồn và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. | PLO7,10, 11 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | X | x | X |  | x | x |  | x |  |  |  |  |
| CLO2 | X | x | X |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | X | x | X |  | x | x |  | x | x |  |  |  |
| CLO4 | X | x | X |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  | x |  | x | x |  |  |  | x |
| CLO6 |  |  |  |  |  | x | x | x | x | x |  |  |
| CLO7 |  | x | X |  |  |  | x |  | x |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO9 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x | x |  |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **1** | **3** | **3** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **2** |

***Ghi chú:“0”*** *= đóng góp không rõ ràng;* ***“1”*** *= Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“2”*** *= Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“3”*** *= Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).*

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, thuộc học phần chuyên đề, cung cấp kiến thức chuyên sâu về phong cách học, về các phương pháp phân tích tu từ học và việc vận dụng các tri thức phong cách học để phân tích, giảng dạy các tác phẩm thơ, truyện, kịch được giảng dạy trong trường phổ thông. Nhờ đó, người học nâng cao được năng lực phát hiện, giải quuyết vấn đề trong phân tích văn bản cũng như năng lực sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đạt hiệu quả cao.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Dự đầy đủ giờ giảng; thực hiện đúng các yêu cầu của giảng viên

- Hoàn thành và nộp 01 báo cáo chuyên đề (theo mẫu chung).

- Các yêu cầu khác (nếu có)

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

Điểm chuyên đề được đánh giá bằng hình thức chấm Báo cáo chuyên đề

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập**

[1]. Định Trọng Lạc (1995), *Phong cách học tiếng Việt,* Nxb Giáo dục, HN. (*Thư viện*)

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[2]. Đào Thị Vân, Lê Thị Hương Giang, Nguyễn Thị Hạnh Phương (2014), *Đề cương bài giảng Ngữ dụng – Phong cách học tiếng Việt,*  ĐHSPTN. (*Thư viện*)

[3]. Hữu Đạt (2001), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại,* Nxb Giáo dục, HN. (*Thư viện*)

[4]. Đinh Trọng Lạc (2008), *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt,* Nxb Giáo dục, HN. (*Thư viện*)

[5]. Đinh Trọng Lạc, Nguyễn Thái Hoà (1995), *Phong cách học tiếng Việt,* Nxb Giáo dục, HN. (*Thư viện*)

[6]. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt,* Nxb ĐH &THCN (*Thư viện*)

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR**  **của HP** | **Nội dung** | **Học liệu** |
| CLO 1  CLO 2  CLO 3 | **\* Nội dung giảng dạy lí thuyết:**  ( 4 tiết trực tiếp; 4 tiết online)  1.1. Khái quát về phong cách học  *1.1.1. Sự xuất hiện của phong cách học và thuật ngữ phong cách học*  *1.1.2. Đối tượng, nhiệm vụ của phong cách học – các loại phong cách học*  *1.1.3. Những khái niệm cơ bản của phong cách học*  *1.1.4. Phong cách học với vấn đề giảng dạy Ngữ văn*  *1.1.5. Phương pháp phân tích tu từ học*  1.2. Khái quát về các tác phẩm văn học giảng dạy ở trường phổ thông  2.1. Khái quát về các tác phẩm thơ và thể thơ trong chương trình phổ thông  2.2. Vận dụng tri thức phong cách học trong phân tích tác phẩm thơ truyền thống  *2.2.1 Thể lục bát*  *2.2.2. Thể song thất lục bát*  *2.2.3. Thể thất ngôn luật Đường*  *2.2.4. Thể thất ngôn tứ tuyệt*  2.3. Vận dụng tri thức phong cách học trong phân tích tác phẩm thơ hiện đại  *2.3.1. Thể 8 tiếng*  *2.3.2. Thể 7 tiếng (thể thất ngôn hiện đại)*  *2.3.3. Thể thơ – văn xuôi*  2.4. Giá trị phong cách của một số kiểu kết hợp từ trong tác phẩm thơ  *2.4.1. Tạo chuỗi bất thường về nghĩa*  *2.4.2. Đảo trật tự các yếu tố trong từ phức*  *2.4.3. Đảo trật tự giữa các thành phần câu*  3.1. Khái quát về các tác phẩm truyện giảng dạy trong trường phổ thông  3.2. Giá trị phong cách của một số kiểu kết hợp từ trong tác phẩm truyện  3.3. Giá trị phong cách của một số kiểu điệp trong tác phẩm truyện  3.4. Giá trị phong cách của một số kiểu đảo cú trong tác phẩm truyện  4.1. Khái quát về các tác phẩm kí giảng dạy trong trường phổ thông  4.2. Xác định và phân tích các biện pháp tu từ trong các văn bản kí | [1], [2], [3], [5], [6] |
| CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 9  CLO10 | **\* Nội dung thực hành** (**74** tiết)  1. Phong cách học với việc giảng văn, dạy làm văn, chấm văn?  2. Những lưu ý khi xác định, khi phân tích tu từ học của các phương tiện ngôn ngữ trong ngữ cảnh? Cho ví dụ cụ thể.  3. Chọn 3 tác phẩm thuộc 3 thể loại (giảng dạy trong trường PT để xác định và phân tích màu sắc tu từ của các phương tiện ngôn ngữ được các tác giả lựa chọn.  4. Chọn 01 tác phẩm thơ trong chương trình giảng dạy ở phổ thông, định hướng phân tích nội dung của tác phẩm và giá trị của các phương tiện ngôn ngữ được tác giả lựa chọn trong tác phẩm.  5. Cách chia nhịp của thể thơ lục bát? Cách chia nhịp đó có chi phối gì trong việc đọc diễn cảm cũng như trong việc phân tích nội dung được đề cập đến trong tác phẩm thơ?  6. Cách ngắt nhịp của thể thơ 8 tiếng? Thể thơ 8 tiếng thường thích hợp cho nội dung biểu đạt gì trong các văn bản thơ?  7. Lấy 5 ví dụ về hiện tượng tạo các chuỗi bất thường về nghĩa trong tác phẩm thơ. Phân tích 01 ví dụ để thấy được giá trị của phương tiện ngôn ngữ trong văn bản.  8. Phân tích giá trị của đảo cú trong tác phẩm truyện giảng dạy ở trường phổ thông (HV chọn 01 tác phẩm và phân tích)  9. Phân tích giá trị của từ ngữ xưng hô tác phẩm *Chí Phèo* (Nam Cao) – Ngữ văn 11.  10. Phân tích giá trị của lớp từ khẩu ngữ tự nhiên trong tác phẩm *Đồng hào có ma* (Nguyễn Công Hoan) – Ngữ văn 9. Tại sao nói: Tính xác thực là đặc trưng cơ bản của kí?  11. Những lưu ý khi phân tích tác phẩm truyện và kí? (Phân tích tác phẩm truyện khác gì khi phân tích tác phẩm kí?)  12. Chọn 1 tác phẩm kí giảng dạy trong trường PT để thiết kế các bước phân tích tác phẩm kí đó. (Chú ý khai thác giá trị của các phương tiện ngôn ngữ được tác giả lựa chọn trong tác phẩm) | [1], [2], [3], [4]  [5], [6] |
| CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 9  CLO10 | **\* Nội dung tự học:**(**68** tiết)  Thực hành xác định và phân tích các biện pháp tu từ trong các văn bản van học trong chương trình Ngữ văn phổ thông (Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12) | [1], [2], [3], [4]  [5], [6] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học: có kết nối máy chiếu, bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

9.13. **ĐỀ C­ƯƠNG CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CHUYÊN ĐỀ: | **VẬN DỤNG LÍ THUYẾT HỘI THOẠI TRONG DẠY HỌC NGỮ VĂN** |
|  | (Applying dialogue theory in teaching literature and lingguistic) |
| MÃ CHUYÊN ĐỀ: | **VLC634** |

**1. Thông tin về chuyên đề**

- Số tín chỉ: 3; Tổng số giờ quy chuẩn: 45 giờ

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ | Số giờ |
| 1 | Lý thuyết | 8 (4:trực tiếp, trực tuyến: 4) |
| 2 | Thực hành | 74 |
| 3 | Thảo luận | 0 |
| 4 | Tự học | 68 |
| **Tổng** | | **150** |

- Loại học phần: Tự chọn

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước:

- Học phần học song hành:

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🗹 Tiếng Anh: 🞏

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn Ngôn ngữ; Khoa: Ngữ văn

**2. Thông tin về các giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Nguyễn Thị Hạnh Phương | 0914435676 | [phuongnth@tnue.edu.vn](mailto:phuongnth@tnue.edu.vn) |
|  | NCS. Nguyễn Diệu Thương | 0948210155 | thuongnd@tnue.edu.vn |

1. **Mục tiêu của học phần (CO)**

CO1. Bồi dưỡng, nâng caokiến thức chuyên sâu về lí thuyết hội thoại và các vấn đề lí thuyết quan yếu.

CO2. Vận dụng hiệu quả phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, phương pháp nghiên cứu liên ngành để thực hiện các hoạt động chuyên môn, phát triển nghề nghiệp.

CO3. Phát triển năng lực tư duy phản biện,năng lực phát hiện, giải quyết hiệu quả và sáng tạo các vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực hội thoại.

CO4. Phát triển năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

CO5. Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của chuyên đề (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu HP** | **CĐR của HP** | **Nội dung CĐR của học phần**  Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: | **CĐR của CTĐT** |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Vận dụng được một số nguyên lí của triết học duy vật biện chứng trong nghiên cứu lí thuyết hội thoại và việc vận dụng trong dạy học Ngữ văn. | PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO12 |
| CO1, CO2 | CLO2 | Vận dụng được kiến thức liên ngành (ngôn ngữ, văn hóa, giáo dục) vào nghiên cứu lí thuyết hội thoại và dạy học Ngữ văn. | PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12 |
| CO1, CO2 | CLO3 | Vận dụng được những tri thức chuyên sâu về ngôn ngữ và ngôn ngữ Việt Nam trong nghiên cứu và dạy học Ngữ văn để phát triển chuyên môn và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn. | PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PKO12 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO4 | CLO4 | Sử dụng được tiếng Anh (tương đương bậc 4/6) trong nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn. | PLO4, PLO10. PLO12 |
| CO4 | CLO5 | Phát hiện và thực hiện được đề tài nghiên cứu độc lập phù hợp với chuyên ngành đào tạo. | PLO5, PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO12 |
| CO2, CO5 | CLO6 | Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp nghiên cứu đặc thù để viết và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành. | PLO6, PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO10, PLO12 |
| CO2, CO3, CO4, CO5 | CLO7 | Sử dụng hiệu quả tri thức lí thuyết hội thoại để phát triển chương trình trong giảng dạy ngữ văn, tổ chức các hoạt động trải nghiệm (về ngôn ngữ, văn học và văn hóa) ở trường phổ thông. | PLO7, PLO2, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12 |
| CO2 | CLO8 | Vận dụng linh hoạt, sáng tạo tri thức chuyên sâu về lí thuyết hội thoại đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học liên ngành. | PLO8, PLO1, PLO2, PLO3, PLO10, PLO12 |
| CO2, CO3, CO4, CO5 | CLO9 | Phát hiện và vận dụng sáng tạo tri thức lí thuyết hội thoại có liên quan trong giải quyết những vấn đề thực tiễn của cuộc sống. | PLO9, PLO7, PLO10, PLO11, PLO12 |
|  | **Năng lực tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO3, CO4 | CLO10 | Độc lập, tự chủ, trách nhiệm trong nghiên cứu, giải quyết các vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành. | PLO1-10, PLO12 |
| CO5 | CLO11 | Có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả về các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ. | PLO2, PLO3, PLO7, PLO9, PLO11 |
| CO3 | CLO12 | Có tư duy phản biện trong giao tiếp xã hội về những nội dung liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ. | PLO1-10, PLO12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của chuyên đề cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo PLOs** | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO2 | x | x | X |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO3 | x | x | X |  |  |  |  |  |  | x | x | x |
| CLO4 |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO5 | x | x | X |  | x |  |  |  |  | x |  | x |
| CLO6 | x | x | X | x | x | x |  |  |  | x |  | x |
| CLO7 |  | x |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO8 | x | x | X |  |  |  |  | x |  | x |  | x |
| CLO9 |  |  |  |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 | x | x | X | x | x | x | x | x | x | x |  | x |
| CLO11 |  | x | X |  |  |  | x |  | x |  | x |  |
| CLO12 | x | x | X | x | x | x | x | x | x | x |  | x |
| **MĐG** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **1** | **2** | **1** | **2** | **3** | **2** | **3** |

**Ghi chú:“0”** = không đóng góp; **“1”** = Mức thấp (0-29% số CLOs đóng góp cho PLO); **“2”** = Mức trung bình (30-59% số CLOs đóng góp cho PLO); **“3”** = Mức cao (60-100% số CLOs đóng góp cho PLO).

**6. Nội dung tóm tắt của chuyên đề**

Hội thoại là một trong các hoạt động giao tiếp cơ bản của con người với mục đích: trao đổi thông tin, thuyết phục, khám phá… Lí thuyết hội thoại có mối quan hệ chặt chẽ với các phạm trù khác trong ngữ dụng học. Lời hội thoại của các nhân vật phản ánh tính cách nhân vật, phong cách nhà văn và thi pháp truyện. Lí thuyết hội thoại còn hữu ích trong việc xác định nội dung bài học tiếng Việt liên quan và tổ chức dạy học phát triển năng lực giao tiếp, năng lực tư duy phản biện, tranh biện.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Dự đầy đủ giờ giảng;Nghiên cứu tài liệu học tập và thực hiện các yêu cầucủa giảng viên.

- Hoàn thành và nộp báo cáo chuyên đề (theo quy định).

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

Điểm chuyên đề được đánh giá bằng hình thức chấm Báo cáo chuyên đề

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập:**

[1]. Đỗ Hữu Châu (2009), *Đại cương ngôn ngữ học, tập II, Ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, HN.

[2]. Đỗ Thị Kim Liên (2005), *Ngữ dụng học*, Nxb Đại học Quốc gia, HN.

[3]. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học (tập 1)*, Nxb Giáo dục, HN.

[4]. John Lyons (2006), *Ngữ nghĩa học dẫn luận*, Nxb Giáo dục, HN.

[5]. Nguyễn Diệu Thương (2022), *Vận dụng lí thuyết hội thoại trong dạy học Ngữ văn*, Đề cương bài giảng,Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường ĐHSP Thái Nguyên.

**9.2. Tài liệu tham khảo:**

[6]. Walton, Douglas. (1989). “Dialogue Theory for Critical Thinking”. *Argumentation*. 3. 169-184. 10.1007/BF00128147.

[7]. Eemeren, F. H. van, & Grootendorst, R. (1992). *Argumentation, communication, and fallacies: A pragma-dialectical perspective.* Lawrence Erlbaum Associates, Inc.

[8]. Eemeren, F.H. van. (2012). *Strategic Maneuvering in Argumentative discourse*, John Benjamins Publishing Company, Philadelphia.

[9]. Grice, H.P. (1975). "Logic and Conversation”, *Syntax and Semantics*, vol.3 edited by P. Cole and J. Morgan, Academic Press. Reprinted as ch.2 of Grice 1989, 22–40.

[10]. Searle, J. R. (1969). *Speech acts*. Cambridge: Cambridge University Press.

[11]. Toulmin, S. (1958). *The uses of argument*. Cambridge: Cambridge University Press.

**10. Nội dung chi tiết của chuyên đề**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR**  **của HP** | **Nội dung** | **Học liệu** |
| CLO 1-4 | **\* Nội dung giảng dạy lí thuyết:**  ( 4 tiết trực tiếp; 4 tiết online)  1.1. Về lí thuyết hội thoại  *1.1.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu về hội thoại*  *1.1.2. Về khái niệm hội thoại*  *1.1.3. Nhân tố giao tiếp trong hội thoại*  1.2. Những vấn đề lí thuyết quan yếu  *1.2.1. Chiếu vật trong hội thoại*  *1.2.2. Hành động ngôn ngữ trong hội thoại*  *1.2.3. Lập luận trong hội thoại*  *1.2.4. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong hội thoại*  2.1. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong xây dựng ngữ liệu bài học tiếng Việt  2.2. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong xây dựng hệ thống câu hỏi bài học tiếng Việt  3.1. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong phân tích lời thoại nhân vật  3.2. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong việc xác định chủ đề, phong cách nghệ thuật  4.1. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong tổ chức dạy học phát triển năng lực giao tiếp  4.2. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong tổ chức dạy học phát triển năng lực tư duy phản biện  4.3. Vận dụng lí thuyết hội thoại trong tổ chức dạy học phát triển năng lực tranh biện | [1], [2], [3], [5] |
| CLO 5-12 | **\* Nội dung thực hành** (**74** tiết)  1) *Xác định các nhân tố giao tiếp trong các hội thoại cụ thể*  2) *Xác định chiếu vật trong các trường hợp cụ thể*  3) *Xác định hành động ngôn ngữ trong hội thoại cụ thể*  4) *Xác định lập luận trong các trường hợp cụ thể*  5) *Xác định các loại nghĩa trong hội thoại cụ thể*  6) *Xây dựng hệ thống ngữ liệu, câu hỏi trong những bài học cụ thể.*  7)*Phân tích tính cách nhân vật thể hiện qua lời thoại trong các trường hợp cụ thể.*  8)*Xác định bút pháp nghệ thuật của nhà văn qua lời thoại nhân vật.*  9) *Phân tích năng lực giao tiếp và tư duy phản biện, tranh biện trong những trường hợp cụ thể.* | [1], [2], [3], [5] |
| CLO 1-12 | **\* Nội dung tự học:**(**68** tiết)  1) *Các loại hành động ngôn ngữ.*  2) *Các loại lập luận sai*  3) *Các loại nghĩa trong phát ngôn*  4) *Xây dựng hệ thống ngữ liệu, câu hỏi trong những bài học cụ thể.*  5) *Đề xuất đề tài nghiên cứu thể hiện mối quan hệ giữa lời hội thoại và tính cách nhân vật, bút pháp nghệ thuật của nhà văn.*  6) *Nội dung, hình thức tổ chức dạy học phát triển năng lực giao tiếp, tư duy phản biện, tranh biện từ sự vận dụng lí thuyết hội thoại.* | [1], [2], [3], [5] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với chuyên đề**

- Phòng học, thực hành:

Phòng học có kết nối máy chiếu, kết nối mạng; bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy:

9.14. **ĐỀ C­ƯƠNG CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CHUYÊN ĐỀ: | **NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG PHÂN TÍCH TÁC PHẨM VĂN HỌC** |
|  | **COGNITIVE LINGUISTICS AND THE APPLICATION IN THE ANALYSIS OF LITERARY WORKS** |
| MÃ HỌC PHẦN: | **VLC635** |

**1. Thông tin về học phần**

- Số tín chỉ: 03; Tổng số giờ quy chuẩn: 45

- Phân bố thời gian:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Loại giờ | Số giờ |
| 1 | Lí thuyết | 8 (4: trực tiếp, 4: trực tuyến) |
| 2 | Thực hành | 74 |
| 3 | Thảo luận | 0 |
| 4 | Tự học | 68 |
| **Tổng** | | **150** |

- Loại học phần: Chuyên đề

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Vận dụng lí thuyết hội thoại trong dạy học Ngữ văn

- Học phần học song hành: Không

- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: 🞏(🗹)

- Đơn vị phụ trách: Bộ môn: Ngôn ngữ; Khoa Ngữ văn

**2. Thông tin về giảng viên**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Học hàm, học vị, họ và tên** | **Số điện thoại** | **Email** |
|  | TS. Nguyễn Thu Quỳnh | 0975.459.119 | [quynhn@tnue.edu.vn](mailto:quynhn@tnue.edu.vn) |
|  | TS. Nguyễn T Hạnh Phương | 0914.435.676 | [phuongnth@tnue.edu.vn](mailto:phuongnth@tnue.edu.vn) |

**3. Mục tiêu của học phần (CO)**

*\* Về kiến thức*

**CO1.**Hiểu và lí giải đượchệ thống các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ học tri nhận như đối tượng, phương pháp, các vấn đề lí thuyết và ứng dụng

**CO2.**Vận dụng được kiến thức của học phần để có những định hướng nghiên cứu và phân tích các tác phẩm văn học nói chung và các tác phẩm văn học được giảng dạy trong chương trình phổ thông nói riêng.

*\* Về kĩ năng*

**CO3.**Có kĩ năng hướng dẫn người học vận dụng tri thức của ngôn ngữ học tri nhận trong phân tích tác phẩm văn học ở trường phổ thông.

**CO4.**Phát triển được kĩ năng làm việc nhóm, năng lực làm việc độc lập, tự nghiên cứu, sử dụng được tiếng Anh, công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ.

*\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

**CO5.** Thể hiện năng lực làm việc độc lập, tự chủ, trách nhiệm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu vận dụng những nội dung phù hợp trong môn học để phát triển chuyên môn, nghiệp vụ trong công việc của bản thân; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ.

**CO6.** Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong việc giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

**4. Chuẩn đầu ra của chuyên đề (CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu HP | CĐR của HP | Nội dung CĐR của học phần | CĐR của CTĐT |
|  | **Kiến thức** | |  |
| CO1 | CLO1 | Diễn giải được hệ thống kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ học tri nhận như: sự ra đời và đối tượng của ngôn ngữ học tri nhận; quan hệ ngôn ngữ - tri nhận - văn hóa; sự giải thuyết - phối cảnh - điểm nhìn; ý niệm và các quá trình ý niệm hóa; phạm trù và các quá trình phạm trù hóa;... | PLO1,2,3 |
| CLO2 | Phân biệt được bức tranh thế giới và cách nhìn thế giới theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận; phân biệt được sự khác biệt trong các mô hình (bức tranh) ngôn ngữ về thế giới; phân biệt được ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm; phân biệt được các loại phạm trù: phạm trù cơ sở, phạm trù thượng danh và phạm trù hạ danh. | PLO1,2,3 |
| CO2 | CLO3 | Áp dụng được kiến thức chuyên sâu của học phần để định hướng phân tích các tác phẩm văn học nói chung và tác phẩm văn học được giảng dạy ở trường phổ thông nói riêng. | PLO1,2,3 |
| CLO4 | Sử dụng được kiến thức môn học và tự phát triển nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trình độ cao hơn. | PLO1,2,3 |
|  | **Kĩ năng** | |  |
| CO3 | CLO5 | Thiết kế được kế hoạch bài dạy và chủ đề nghiên cứu vận dụng tri thức của ngôn ngữ học tri nhận trong phân tích tác phẩm văn học ở trường phổ thông. | PLO5, 7 |
| CO4 | CLO6 | Sử dụng được kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, kĩ năng giải quyết vấn đề trong hoạt động giảng dạy, giáo dục ở trường phổ thông. | PLO6, 9 |
| CLO7 | Áp dụng được kĩ năng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp liên quan đến học tập, nghiên cứu và ứng dụng ngôn ngữ. | PLO8 |
| CLO8 | Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp, đọc hiểu tài liệu chuyên ngành. | PLO4 |
|  | **Mức tự chủ và trách nhiệm** | |  |
| CO5 | CLO9 | Có năng lực làm việc độc lập, tự chủ, trách nhiệm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng những nội dung phù hợp của học phần trong nghiên cứu, phân tích các tác phẩm văn học; có khả năng hợp tác, tư vấn hiệu quả các vấn đề thuộc khoa học ngôn ngữ. | PLO10, 11, 12 |
| CO6 | CLO10 | Nâng cao chuẩn mực đạo đức nghề ngiệp, có ý thức trách nhiệm và khả năng lan tỏa, ảnh hưởng tới cộng đồng trong giữ gìn, bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. | PLO10, 11, 12 |

**5. Mức đóng góp (MĐG) của chuyên đề cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CLOs | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)** | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | x | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO2 |  | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO3 |  | x | X |  | x | x | x | x |  |  |  |  |
| CLO4 |  | x | X |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | x | X |  |  |  | x | x |  | x | x | x |
| CLO6 |  | x | X |  | x | x |  |  | x | x | x | x |
| CLO7 |  | x | X |  |  |  |  | x | x |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  | x |  |  |  | x |  |  |  |  |
| CLO9 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| CLO10 |  | x | X |  |  |  | x |  | x | x | x | x |
| **MĐG** | **1** | **3** | **3** | **1** | **3** | **3** | **3** | **3** | **2** | **2** | **2** | **2** |

***Ghi chú:“0”*** *= đóng góp không rõ ràng;* ***“1”*** *= Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“2”*** *= Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO);* ***“3”*** *= Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).*

**6. Nội dung tóm tắt của chuyên đề**

Chuyên đề nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, giới thiệu kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ học tri nhận và việc vận dụng lí thuyết của ngôn ngữ học tri nhận trong phân tích các tác phẩm văn học. Trên cơ sở đó, người học có những định hướng để tiếp cận tác phẩm văn học nói chung và tác phẩm văn học được giảng dạy ở trường phổ thông nói riêng theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, chú trọng việc phân tích tác phẩm văn học trong mối liên hệ giữa ngôn ngữ, tri nhận và văn hóa.

**7. Nhiệm vụ của học viên**

- Chuyên cần: Dự đầy đủ giờ giảng theo quy định. Nghiên cứu tài liệu học tập và thực hiện các yêu cầu của giảng viên.

- Hoàn thành và nộp báo cáo chuyên đề (theo quy định)

**8. Đánh giá kết quả học tập của học viên**

Điểm chuyên đề được đánh giá bằng hình thức chấm Báo cáo chuyên đề.

**9. Học liệu**

**9.1. Tài liệu học tập**

[1]. Lý Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận: Từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt,* Nxb Phương Đông, H.

[2]. Nguyễn Thu Quỳnh (2016), *Nghiên cứu các phạm trù tình cảm trong Truyện Kiều (Từ bình diện ngôn ngữ học tri nhận),* Nxb ĐHTN, TN.

**9.2. Tài liệu tham khảo**

[3]. Nguyễn Thu Quỳnh (2015), *Sự thể hiện tình cảm của người Việt qua ngôn từ nghệ thuật trong Truyện Kiều (Nguyễn Du) theo quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận,* Đề tài NCKH cấp Đại học, Đại học Thái Nguyên.

**9.3. Website**

**10. Nội dung chi tiết của chuyên đề**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR của HP** | **Nội dung** | **Học liệu** |
|
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO5  CLO6  CLO7  CLO8 | **\* Nội dung giảng dạy lí thuyết**  (4 tiết trực tiếp, 4 tiết trực tuyến)  **1. Khái quát về ngôn ngữ, tri nhận và văn hóa**  **2. Ý niệm, ý niệm hóa và việc vận dụng trong phân tích tác phẩm văn học**  2.1. Ý niệm, ý niệm hóa  2.2. Ẩn dụ ý niệm  2.3. Vận dụng lí thuyết ẩn dụ ý niệm trong phân tích tác phẩm văn học  **3. Phạm trù, phạm trù hóa và việc vận dụng trong phân tích tác phẩm văn học**  3.1. Điển dạng/ điển mẫu  3.2. Phạm trù, phạm trù hóa  3.3. Vận dụng lí thuyết phạm trù trong phân tích tác phẩm văn học | [1], [2], [3] |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO6  CLO7  CLO9 | **\* Nội dung thực hành (74 tiết)**  Nghiên cứu, thảo luận các vấn đề sau:  1. Sự khác nhau cơ bản giữa bức tranh khoa học về thế giới và bức tranh ngôn ngữ về thế giới.  2. Nguyên lí dĩ nhân vi trung của mô hình không gian và thế giới.  3. Quá trình ý niệm hóa sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan.  4. Quá trình phạm trù hóa các sự vật, hiện tượng trong thực tế khách quan.  5. Thực hành nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa (từ hướng tiếp cận của ngôn ngữ học tri nhận và ngôn ngữ học văn hóa) trong một tác phẩm văn học cụ thể.  6. Vận dụng lí thuyết về ẩn dụ ý niệm trong phân tích một tác phẩm văn học cụ thể được giảng dạy ở trường phổ thông.  7. Nghiên cứu các phạm trù tri nhận chủ yếu xuất hiện trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du). | [1], [2], [3] |
| CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO6  CLO7  CLO9 | **\* Nội dung tự học (68 tiết)**  1. Nội dung cơ bản của giả thuyết về Tính tương đối của ngôn ngữ (Sapir và Whorf).  2. Bức tranh thế giới và cách nhìn thế giới theo quan điểm của Ngôn ngữ học tri nhận.  3. Những cách mã hóa khác nhau từ quan điểm của phối cảnh và điểm nhìn  4. Miền Nguồn, miền Đích và cơ chế ánh xạ trong các ẩn dụ ý niệm.  5. Quan điểm của G. Lakoff: “Điển dạng như là những thí dụ đạt nhất, nổi bật nhất của phạm trù”.  6. Phân biệt phạm trù hóa và ý niệm hóa; phạm trù tri nhận bậc cơ sở, phạm trù tri nhận bậc thượng danh và phạm trù tri nhận bậc hạ danh. | [1], [2], [3] |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học: có kết nối máy chiếu, bàn ghế phù hợp với làm việc nhóm

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: loa, míc

- Điều kiện khác: kết hợp với giảng dạy tại Thư viện.

**10. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo**

Chương trình được biên soạn teo hướng cập nhật với những kiến thức mới và hướng tới chương trình cải cách giáo dục đang tiến hành ở các trường phổ thông trung học trong cả nước. Yêu cầu của chương trình là thực hiện đầy đủ và đúng nội dung cũng như thời gian được phân bổ trong chương trình.

Chương trình thiết kế theo hướng lấy người học làm trung tâm, nên dành nhiều thời gian cho học viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu và thảo luận. Việc lên lớp là bắt buộc theo quy chế, song việc tự học cần phải được phát huy tối đa, kết hợp với việc cung cấp các nguồn lực như giáo viên có năng lực, cơ sở vật chất, tài liệu...

Hàng năm, Khoa đều rà soát, cập nhật và điều chỉnh chương trình đào tạo, đề nghị Hiệu trưởng xem xét và ra quyết định điều chỉnh các học phần trong chương trình đào tạo.

Về đánh giá kết quả đào tạo: việc đánh giá cần đảm bảo khách quan, đa dạng các hình thức đánh giá người học. Kết quả học tập của người học được đánh giá theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của BGD&ĐT Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 23/2021/TT-BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

*Thái Nguyên ngày 2 tháng 10 năm 2021*

**HIỆU TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO TRƯỞNG KHOA**